



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH NƯỚC SẠCH HƯNG YÊN

=====o0o=====

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
KINH DOANH NƯỚC SẠCH HƯNG YÊN



HƯNG YÊN, NĂM 2017

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HƯNG YÊN TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA	5
5. Tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty	9
6. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2013-2015.	13
7. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	23
7.1. Thuận lợi	23
7.2. Khó khăn	23
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	24
8.1. Vị thế của Công ty trong ngành	24
8.2. Triển vọng phát triển của ngành	24
8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước	25
II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP	25
1. Tình hình sử dụng tài sản, đất đai	25
1.1. Tình hình sử dụng đất	25
1.2. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp	29
1.3. Tình hình về tài chính công nợ	31
2. Cơ cấu và trình độ lao động của Công ty.....	31
III. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP	32
PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH NƯỚC SẠCH HƯNG YÊN.....	34
1. Khái lược về Phương án cổ phần hóa của Công ty.....	34
1.1. Căn cứ pháp lý cổ phần hóa	34
1.2. Mục tiêu và ý nghĩa cổ phần hóa	35
1.3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa	35
1.4. Hình thức cổ phần hóa	36
2.3. Cơ cấu tổ chức của Công ty sau khi cổ phần hóa	37
4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ.....	38
5. Phương thức chào bán cổ phần	39
5.1. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động	39
5.2. Cổ phần bán cho Công đoàn	42
5.3. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược	42
6. Kế hoạch sử dụng tiền thu được việc bán cổ phần	44
PHẦN III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI LAO ĐỘNG	45

1. Kế hoạch sắp xếp lại lao động	45
PHẦN IV: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN HÓA.....	48
PHẦN V: PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 03 NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA.....	54
1. Cơ hội và thách thức	54
2. Mục tiêu phát triển sản xuất và đầu tư xây dựng cơ bản.....	54
2.3. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hoá.....	55
2.4. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản 03 năm sau cổ phần hoá.....	56
4. Giải pháp thực hiện sau cổ phần hóa.	61
PHẦN VI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ.....	66
1. Các bước tiến hành sau khi phương án được duyệt.....	66
2. Đề xuất, kiến nghị.	66
PHẦN VII: KẾT LUẬN.....	67

HỆ THỐNG TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Tên viết tắt	Tên đầy đủ
Công ty	Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh Nước sạch Hưng Yên
Công ty TNHH MTV	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
UBND	Ủy ban Nhân dân
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
HĐQT	Hội đồng quản trị
CPH	Cổ phần hóa
ĐMDN	Đổi mới doanh nghiệp
DN	Doanh nghiệp
TSCĐ	Tài sản cố định
GTDN	Giá trị Doanh nghiệp
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
WTO	Tổ chức thương mại thế giới
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức

PHẦN I. TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH NƯỚC SẠCH HƯNG YÊN TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HƯNG YÊN TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin cơ bản :

- Tên tiếng Việt : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HƯNG YÊN**
- Tên giao dịch : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HƯNG YÊN**
- Trụ sở chính : Số 03 đường Tô Hiệu, phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên.
- Điện thoại : (0321) 3862 487
- Fax : (0321) 3865 298
- Email : ctycnhy@gmail.com
- Mã số thuế : 0900108341
- Vốn điều lệ : 32.424.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ, bốn trăm hai mươi bốn triệu đồng*)
- Hình thức : Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, thuộc UBND tỉnh Hưng Yên

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty TNHH một thành viên: Số 0900108341 lần đầu ngày 27/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 04/05/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp).

2. Ngành nghề kinh doanh:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0900108341 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 27/10/2009, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 04/05/2010, ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng số 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty trước khi cổ phần hóa

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;	36

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

STT	Tên ngành	Mã ngành
2	Thiết kế các công trình cấp nước quy mô vừa và nhỏ	71
3	Xây dựng, lắp đặt thiết bị, công nghệ, mạng lưới đường ống, các công trình cấp, thoát nước quy mô vừa và nhỏ	42

* Sản phẩm dịch vụ chủ yếu:

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ công cộng hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm những dịch vụ chính sau:

- Sản xuất và kinh doanh nước sạch.
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị, công nghệ, mạng lưới đường ống, các công trình cấp, thoát nước.

* Địa bàn hoạt động:

Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc UBND tỉnh Hưng Yên, Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

3. Quá trình hình thành và phát triển.

- Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên tiền thân là nhà máy nước thị xã Hưng Yên, được thành lập ngày 25/6/1964 theo Quyết định số 09/TC-CB ngày 25/6/1964 của Ủy ban hành chính tỉnh Hưng Yên với công suất 1.000m³/ng.đêm, được mở rộng và nâng công suất lên 2.000m³/ng.đêm vào năm 1985.

- Năm 1992 UBND tỉnh Hải Hưng có Quyết định số 712/QĐ/UB ngày 15/9/1992 về việc thành lập Doanh nghiệp nhà nước: Nhà máy nước thị xã Hưng Yên thuộc Sở Xây dựng Hải Hưng.

- Năm 1997 UBND tỉnh Hưng Yên được tái lập (tách ra từ tỉnh Hải Hưng thành 2 tỉnh Hải Dương và tỉnh Hưng Yên). Nhà máy nước thị xã Hưng Yên được đổi tên thành Công ty cấp nước Hưng Yên theo Quyết định số 111/QĐ-UB ngày 27/2/1997 của UBND tỉnh Hưng Yên.

- Giai đoạn 1999 - 2000 UBND tỉnh Hưng Yên giao cho Công ty làm Chủ đầu tư xây dựng HTCN thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, công suất 5.000m³/ng.đêm (Nhà máy nước số II). Tháng 4/2000 HTCN thị xã Hưng Yên, công suất 5.000m³/ng.đêm đã hoàn thành được đưa vào sử dụng cung cấp nước cho nhân dân thành phố Hưng Yên (khi đó Nhà máy nước số I công suất 2.000m³/ng.đêm tạm thời dừng hoạt động).

- Giai đoạn 2000 - 2003 UBND tỉnh Hưng Yên giao cho Công ty làm Chủ đầu tư xây dựng HTCN khu đô thị Phố Nối, công suất 3.000m³/ng.đêm. Tháng 3/2003 HTCN khu đô thị Phố Nối hoàn thành và được đưa vào sử dụng cấp nước cho Khu đô thị mới Phố Nối.

- Năm 2007, Công ty được UBND tỉnh Hưng Yên giao làm Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng HTCN thị trấn Vương – Dị Chế - Hải Triều, huyện Tiên Lữ, công suất 1.500m³/ng.đêm (nguồn nước sạch được lấy từ nguồn nước sau xử lý của dự án đầu tư xây dựng HTCN thành phố Hưng Yên, công suất 10.000 m³/ng.đêm, nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi ODA Phần Lan. Trong khi chờ dự án đầu tư xây dựng HTCN thành phố Hưng Yên, công suất 10.000 m³/ng.đêm, nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi ODA Phần Lan đang chuẩn bị triển khai thực hiện, trước mắt nguồn nước sạch cấp cho HTCN thị trấn Vương – Dị Chế - Hải Triều, huyện Tiên Lữ được lấy từ nguồn nước sạch sau xử lý của HTCN, thành phố Hưng Yên). Dự án đầu tư xây dựng HTCN thị trấn Vương – Dị Chế - Hải Triều, huyện Tiên Lữ được khởi công tháng 9/2007 và hoàn thành tháng 8/2009 phục vụ cung cấp nước cho nhân dân thị trấn Vương và các xã Dị Chế, xã Hải Triều, huyện tiên Lữ.

- Năm 2008, Công ty được UBND tỉnh Hưng Yên giao làm Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng HTCN thị tứ Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, công suất 3.000m³/ng.đêm (trong đó nguồn nước sạch sau xử lý cấp cho thị tứ Phùng Hưng, huyện Khoái Châu là 1.000m³/ng.đêm, cấp 2.000m³/ng.đêm cho thị tứ Toàn Thắng, huyện Kim Động). Dự án đầu tư xây dựng HTCN thị tứ Phùng Hưng, huyện Khoái Châu được khởi công tháng 5/2008 (Do điều kiện chậm về bố trí nguồn vốn phục vụ công tác GPMB thu hồi đất xây dựng khu xử lý và khó khăn do biến động giá cả tăng, ...ngoài tầm kiểm soát nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án) đến tháng 7/2014 công trình được hoàn thành đưa vào sử dụng phục vụ cung cấp nước cho nhân dân thị tứ Phùng Hưng, huyện Khoái Châu.

- Năm 2008, Công ty được UBND tỉnh Hưng Yên giao làm Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng HTCN thị tứ Toàn Thắng, huyện Kim Động, công suất 2.000m³/ng.đêm (nguồn nước sạch được lấy từ nguồn nước sau xử lý của HTCN thị tứ Phùng Hưng, huyện Khoái Châu). Dự án đầu tư xây dựng HTCN thị tứ Toàn Thắng, huyện Kim Động được khởi công 5/2008 (Do phải chờ dự án đầu tư xây dựng HTCN thị tứ Phùng Hưng, huyện Khoái Châu hoàn thành thì mới có nguồn nước để đấu nối đồng hồ cho các hộ tiêu thụ, đồng thời dự án còn phải chờ Chương trình nước và vệ sinh các thị trấn ở Việt Nam bố trí nguồn vốn đấu nối đồng hồ cho các hộ tiêu thụ) đến tháng 4/2015 công trình được hoàn thành đưa vào sử dụng phục vụ cung cấp nước cho nhân dân thị tứ Toàn Thắng, huyện Kim Động.

- Năm 2008, Nhà máy nước số I công suất 2.000m³/ng.đêm tại số 81 đường Trưng Trắc, Phường Minh Khai, thành phố Hưng Yên được UBND tỉnh Hưng Yên cho phép thanh lý (do máy móc thiết bị, công trình công nghệ của Nhà máy đã quá cũ xuống cấp, nguồn nước ngầm bị nhiễm mặn nhiều). Công ty đã bàn giao các khu đất của Nhà máy nước số I cho UBND thành phố Hưng Yên quản lý sử dụng.

- Năm 2008, HTCN khu đô thị Phố Nội, công suất 3.000m³/ng.đêm đã được UBND tỉnh Quyết định bán cho nhà đầu tư mới. Công ty đã tiến hành bàn giao toàn bộ Nhà máy nước Phố Nội cho nhà đầu tư mới tiếp nhận quản lý khai thác vận hành Nhà máy từ tháng 11/2008.

- Năm 2009, thực hiện Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 27/8/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Cấp nước Hưng Yên thành Công ty TNHH một thành viên - Công ty cấp nước Hưng Yên thành Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên.

- Năm 2011, Công ty được UBND tỉnh Hưng Yên giao làm Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng HTCN thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, công suất 1.000m³/ng.đêm. Dự án đầu tư xây dựng HTCN thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi được khởi công tháng 10/2013 và được hoàn thành vào Quý I/2015 phục vụ cung cấp nước cho nhân dân thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi.

* Về dự án đầu tư xây dựng HTCN thành phố Hưng Yên công suất 10.000 m³/ng.đêm, nguồn vốn tín dụng ưu đãi ODA Phần Lan:

Được sự quan tâm của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Hưng Yên, giao cho Công ty làm Chủ đầu tư Dự án đầu tư xây dựng HTCN thành phố Hưng Yên, công suất 10.000 m³/ngàyđêm. Hợp đồng số HY-WP-01 được ký giữa Chủ đầu tư là Công ty Cấp nước Hưng Yên (*nay là Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên*) và Nhà thầu là Tập đoàn Bafo Phần Lan ngày 01/7/2009 về việc thiết kế chi tiết, thi công, cung cấp vật tư, thiết bị, lắp đặt và đào tạo cho công trình HTCN thành phố Hưng Yên, công suất 10.000 m³/ng.đêm. Ngày có hiệu lực của hợp đồng là ngày 05/12/2009 (*ngày Bộ Tài chính ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng cho vay phía Phần Lan*).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng số HY-WP-01, Nhà thầu đã không tuân thủ các nội dung điều khoản của hợp đồng; Nhà thầu đề xuất thay đổi hầu hết xuất xứ vật tư, máy móc, thiết bị theo danh mục hợp đồng đã ký mà không đáp ứng các nội dung điều khoản Hợp đồng... dẫn đến tiến độ thực hiện hợp đồng bị chậm, kéo dài. Tiến độ dự án chậm không hoàn thành được công trình đã gây thiệt hại cho Chủ đầu tư, làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước sạch của Chủ đầu tư tới nhân dân thành phố Hưng Yên và các vùng phụ cận.

Được sự quan tâm chỉ đạo giúp đỡ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Đại sứ quán Phần Lan tại Việt Nam, UBND tỉnh Hưng Yên, các Bộ Ngành Phần Lan và Việt Nam cùng các Sở, Ban ngành của tỉnh, Chủ đầu tư đã có công văn đề nghị UBND tỉnh Hưng Yên chấp thuận theo đề xuất của Nhà thầu về việc thay đổi xuất xứ vật tư, máy móc, thiết bị theo danh mục hợp đồng đã ký đảm bảo theo quy định, tạo điều kiện cho Nhà thầu thực hiện thi công hoàn thành công trình, sớm cấp nước cho nhân dân thành phố Hưng Yên và UBND tỉnh Hưng Yên đã chấp thuận cho Nhà thầu thay đổi xuất xứ vật tư, máy móc, thiết bị theo danh mục hợp đồng đã ký tại Văn bản số 1581/UBND-KT1 ngày 10/9/2015. Nhưng, Nhà thầu vẫn chưa phối hợp với Chủ đầu tư để ký phụ lục hợp đồng “*Về việc thay đổi điều chỉnh một số nội dung của hợp đồng HY-WP-01 và gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng*” với các nội dung, điều khoản mà hai bên đã thương thảo cùng với Công ty luật BIZCONSULT của Nhà thầu để tiếp tục thực hiện hợp đồng, mà Nhà thầu lại làm đơn khởi kiện Chủ đầu tư ra Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam với những lý do không đúng sự thực (*Nhà thầu đã kiện ngược, vô lý đối với Chủ đầu tư*). Sau khi bị

khởi kiện, Chủ đầu tư đã có Bản tự bảo vệ số 05-ODA.HY/CV-QLDA ngày 26/01/2016 “ về việc ý kiến phản bác đơn khởi kiện của Nhà thầu đối với Chủ đầu tư” đồng thời Chủ đầu tư đã có đơn kiện lại Nhà thầu số 06-ODA.HY/CV-QLDA ngày 26/01/2016 “ Vụ kiện: Yêu cầu Nhà thầu Tập đoàn Bafco Phần Lan thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng HY-WP-01 và đền bù thiệt hại cho Chủ đầu tư do việc Nhà thầu thực hiện hợp đồng chậm, kéo dài ” gửi Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam và hiện đang được Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam thụ lý giải quyết.

Đến nay, tổng công suất cấp nước của Công ty đạt 9.000m³/ng.đêm, cấp nước cho khách hàng trên địa bàn Thành phố Hưng Yên, các vùng phụ cận và một số thị trấn, thị tứ trong tỉnh Hưng Yên với tổng số trên 14 nghìn khách hàng.

4. Các thành tích đã đạt được:

Năm 2010:

Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên tặng Bằng khen cho Tập thể Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển cộng đồng năm 2010.

Năm 2012:

Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc cho Tập thể Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên đã có thành tích xuất sắc năm 2012

Năm 2013:

Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên tặng Bằng khen cho Tập thể Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013

5. Tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty

5.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy .

Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên tổ chức quản lý theo mô hình Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc. Cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:

* Ban Lãnh đạo Công ty:

- Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc: 01 người

- Kiểm soát viên: 01 người

- Phó Giám đốc: 03 người

* 05 Phòng, Ban chức năng nghiệp vụ:

Phòng Tổ chức hành chính; Phòng Tài chính kế toán; Phòng kế hoạch kỹ thuật; Phòng kinh doanh; Phòng quản lý dự án.

* 04 chi nhánh trực thuộc trên địa bàn thành phố và huyện:

- Xí nghiệp sản xuất nước thành phố Hưng Yên. Địa chỉ: Số 3 đường Tô Hiệu, Phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- Xí nghiệp cấp nước thị trấn Vương – Dị Chế - Hải Triều. Địa chỉ: Xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

- Xí nghiệp cấp nước Phùng Hưng – Toàn Thắng. Địa chỉ: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu và Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

- Xí nghiệp cấp nước thị trấn Ân Thi. Địa chỉ: Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

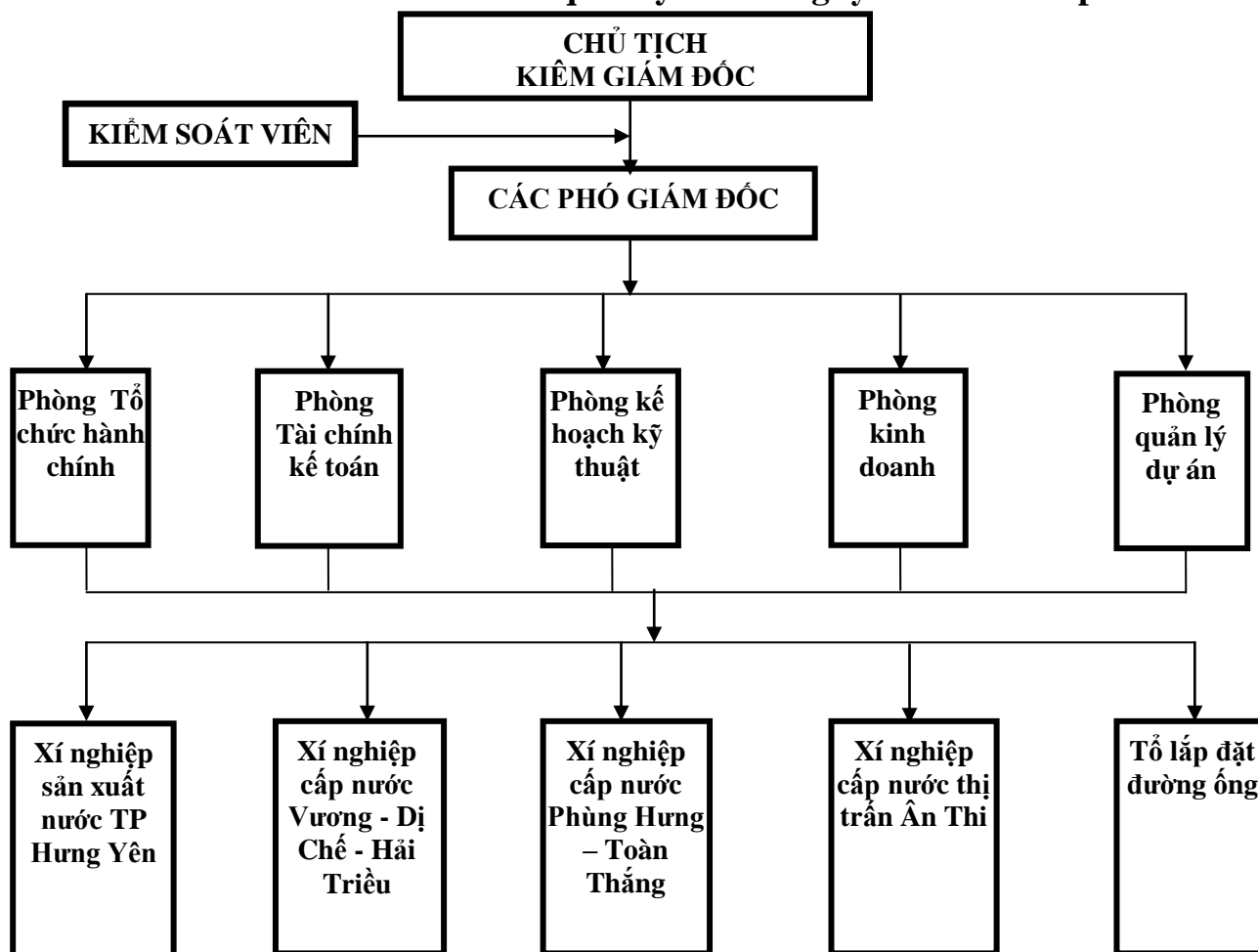
* Các tổ chức đoàn thể:

- Tổ chức Đảng: Công ty cấp nước Hưng Yên trực thuộc Đảng bộ thành phố Hưng Yên, với tổng số 31 đảng viên.

- Tổ chức Công đoàn: Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên trực thuộc Công đoàn ngành Xây dựng tỉnh Hưng Yên, với tổng số 101 đoàn viên công đoàn.

- Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh: Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên trực thuộc Thành đoàn thành phố Hưng Yên với tổng số 26 đoàn viên thanh niên

Sơ đồ số 1: Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty trước khi cổ phần hóa



5.2 Chức năng, nhiệm vụ cụ thể:

* Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty:

Chủ tịch kiêm Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, do UBND tỉnh Hưng Yên (*chủ sở hữu*) bổ nhiệm. Giám đốc chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh Hưng Yên, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

*** Kiểm soát viên Công ty:**

- Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cần trọng của Chủ tịch Công ty và Giám đốc Công ty trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên.

- Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình chủ sở hữu Công ty hoặc cơ quan Nhà nước có liên quan; trình chủ sở hữu Công ty báo cáo thẩm định.

- Kiến nghị chủ sở hữu Công ty các giải pháp hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty.

*** Các Phó Giám đốc Công ty:**

Giúp Giám đốc giải quyết các công việc theo sự phân công và uỷ quyền, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và pháp luật về các lĩnh vực công tác được phân công. Trong điều hành công việc, ngoài công việc chính được phân công cần phải tham gia, đóng góp ý kiến của mình vào công việc khác của Công ty và phải có sự phối hợp thường xuyên giữa các Phó Giám đốc để đảm bảo sự thống nhất trong điều hành công việc.

*** Phòng tổ chức hành chính:**

- Tham mưu giúp việc Giám đốc về công tác tổ chức cán bộ và bộ máy quản lý xây dựng mô hình quản lý của các đơn vị sản xuất trong Công ty phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Công ty. Định hướng quy hoạch cán bộ đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ mới.

- Quản lý nhân sự, hồ sơ cán bộ CNVC theo dõi đề xuất với Giám đốc thực hiện tốt chính sách chế độ của Nhà nước đối với người lao động trong Công ty.

- Thực hiện các chế độ bảo hiểm cho người lao động theo quy định hiện hành.

- Theo dõi và quản lý hồ sơ đất đai của Công ty và giải quyết các công việc liên quan.

- Tham mưu giúp Giám đốc trong thực hiện pháp luật và chế độ chính sách của nhà nước. Tổ chức và hướng dẫn cán bộ CNVC trong Công ty thực hiện sống và làm việc theo pháp luật.

- Công tác quân sự, an ninh trật tự, công tác tiếp dân, lập kế hoạch bảo hộ lao động trong toàn Công ty.

*** Phòng Tài chính kế toán:**

- Tham mưu giúp Giám đốc quản lý tài sản, tiền vốn bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

- Xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, Lập báo cáo tài chính và báo cáo thống kê theo chuẩn mực và chế độ kế toán.
- Cung cấp thông tin số liệu kế toán theo quy định của pháp luật.
- In hoá đơn thu tiền nước và phát hành uỷ nhiệm nhờ thu. Quản lý cưỡng hoá đơn đã phát hành và tổng hợp báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn hàng tháng, quý, năm theo quy định của pháp luật.
- Tổ chức tiếp nhận quản lý, kiểm soát kho, bãi vật tư, cấp phát vật tư và tổng hợp báo cáo tình hình cung cấp sử dụng vật tư của toàn Công ty theo định kỳ tháng, quý, năm.

*** Phòng kế hoạch kỹ thuật:**

- Tham mưu giúp việc Giám đốc trong công tác quản lý kỹ thuật sản xuất, quản lý kỹ thuật thiết bị, máy móc, mạng đường ống, an toàn vệ sinh lao động.
- Kiểm tra các mẫu nước, xác định các định mức vật tư, hóa chất phục vụ sản xuất.
- Kiểm định đồng hồ đo nước.
- Tư vấn trong công tác lập kế hoạch chuẩn bị đầu tư, khảo sát, quy hoạch thiết kế các công trình cấp nước, tư vấn đấu thầu các công trình trong tỉnh.
- Tham mưu giúp việc Giám đốc Công ty: Xây dựng kế hoạch định hướng phát triển của Công ty dài hạn, trung hạn, ngắn hạn. Xây dựng các chỉ tiêu, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và xây dựng cơ bản, quản lý và sử dụng các nguồn vốn có hiệu quả.
- Lập và theo dõi việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch xây dựng cơ bản, kế hoạch xây lắp của các nguồn vốn của Công ty.
- Tổng hợp đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch hàng tháng, quý, năm và đề xuất điều chỉnh cho phù hợp.
- Nghiên cứu và xây dựng các chính sách phát triển thị trường ở trong tỉnh.
- Xây dựng kế hoạch truyền thông, tuyên truyền trên phạm vi rộng tới nhân dân, phối hợp triển khai thực hiện công tác xây dựng thương hiệu, tổ chức các hoạt động cộng đồng của Công ty.
- Thực hiện chức năng tư vấn lập dự án và thiết kế các công trình quy mô vừa và nhỏ ở trong và ngoài Công ty.

*** Phòng Kinh doanh**

- Tham mưu giúp việc Giám đốc Công ty nghiên cứu, tổ chức thực hiện chiến lược thị trường và định hướng khách hàng.
- Quản lý theo dõi, tổng hợp phân tích khách hàng và sản lượng tiêu thụ sản phẩm nước sạch. Lập báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản

xuất kinh doanh nước sạch của toàn Công ty theo định kỳ hàng tháng, quý, năm. Thường trực giải quyết những vấn đề liên quan với khách hàng theo quy định.

- Lập kế hoạch cung ứng vật tư, nguyên liệu đảm bảo đáp ứng đủ và kịp thời phục vụ cho sản xuất kinh doanh (*sản xuất và thi công xây lắp*) của Công ty.

- Tham mưu giúp việc Giám đốc Công ty trong công tác quản lý mạng đường ống, khách hàng. Thực hiện tốt công tác quản lý chống thất thoát, thất thu nước máy.

*** Phòng quản lý dự án:**

Tham mưu giúp việc cho Giám đốc Công ty trong việc lập kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các dự án đầu tư từ giai đoạn thực hiện đầu tư đến khi kết thúc đầu tư. Đưa công trình vào khai thác sử dụng theo đúng quy định về quản lý đầu tư và XD/CB của Nhà nước hiện hành.

*** Các Xí nghiệp trực thuộc và Tổ lắp đặt:**

- Khai thác, sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Xây dựng, lắp đặt thiết bị, công nghệ, mạng lưới đường ống, các công trình cấp nước, công trình xử lý chất thải, điện động lực dân dụng.

- Cung ứng vật tư thiết bị công trình cấp nước.

- Quản lý và thu tiền nước của các hộ tiêu thụ theo quy định.

- Lắp đặt hệ thống cấp nước.

6. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2013-2015.

6.1. Sản lượng sản phẩm sản xuất và tiêu thụ/giá trị dịch vụ qua các năm

Hoạt động khai thác, sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác trên địa bàn tỉnh Hưng Yên: Khách hàng của Công ty chủ yếu là các Hộ gia đình, các Cơ quan: Trường học, Bệnh viện, sở ban ngành; Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, Doanh nghiệp tư nhân, Khu công nghiệp. Công ty đã không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm phát triển bền vững Công ty, đảm bảo chất lượng nước sạch đạt tiêu chuẩn vệ sinh nước sinh hoạt với dịch vụ tốt nhất tới người tiêu thụ. Bên cạnh đó, Công ty xây dựng và mở rộng phạm vi cấp nước của thành phố, khu dân cư tập trung, khu công nghiệp và các đô thị các huyện, nâng cao tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch; luôn đổi mới công nghệ và cải tiến công tác quản lý, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào hoạt động sản xuất kinh doanh, khuyến khích sáng kiến cải tiến hợp lý sản xuất tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

Hoạt động thiết kế các công trình cấp nước; xây dựng lắp đặt thiết bị công nghệ mạng lưới đường ống quy mô vừa và nhỏ: Các Hợp đồng theo yêu cầu của đối tượng khách hàng là các Hộ gia đình; các cơ quan.

*** Cơ cấu doanh thu trước khi cổ phần hóa:**

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian qua đạt được những kết quả khả quan, có sự biến động doanh thu qua các năm:

Bảng số 2: Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2013-2015 và 6 tháng đầu năm 2016

TT	Doanh thu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		6 tháng đầu năm 2016	
		Giá trị (Tr. đồng)	Tỷ trọng/D TT (%)	Giá trị (Tr. đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị (Tr. đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị (Tr. đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)
I	Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.862	100	14.581	100	19.718	100	12.119	100
1	<i>Doanh thu về cung cấp nước sạch</i>	10.855	84,4	11.969	82,1	15.193	77,1	8.284	68,4
2	<i>Doanh thu từ hoạt động lắp đặt</i>	2.007	15,6	2.613	17,9	4.525	22,9	3.835	31,6
II	Doanh thu từ hoạt động tài chính	713	5,5	615	4,2	424	2,2	225	1,9
III	Thu nhập khác	57	0,4	61	0,4	290	1,5	43	0,4
Tổng cộng		13.632	106	15.257	104,6	20.432	103,6	12.387	102,2

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014, 2015, BCTC tự lập 6 tháng năm 2016)

Đặc thù hoạt động của công ty là sản xuất và cung cấp nước sạch, do đó, nguồn doanh thu chủ yếu của Công ty từ hoạt động cung cấp nước sạch, chiếm bình quân trên 80% Doanh thu thuần của Công ty, tiếp đến là doanh thu từ hoạt động lắp đặt chiếm bình quân 19% doanh thu thuần của Công ty. Doanh thu từ hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác phát sinh bất thường, không đóng góp nhiều trong hoạt động của Công ty.

Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty đang trên đà phát triển ổn định, thể hiện ở tổng doanh thu tăng đều từ khoảng 13 tỷ đồng năm 2013 lên trên 15 tỷ đồng năm 2014 và đạt hơn 20 tỷ đồng năm 2015. Kết thúc 6 tháng đầu năm 2016, tổng doanh thu đạt hơn 12 tỷ đồng, bằng 60% cả năm 2015. Doanh thu tăng trưởng đều qua các năm đối với hoạt động cung cấp nước sạch và hoạt động thi công, lắp đặt từ năm 2013 đến 6 tháng đầu năm 2016 cho thấy nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng tăng, tạo tiền đề cho sự phát triển của ngành nước nói chung và của Công ty nói riêng trong các giai đoạn tới. Giá bán nước sạch của Công ty vẫn chưa được điều chỉnh, hiện đang áp dụng theo Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 15/4/2010 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định giá bán nước sạch tiêu thụ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên kể từ ngày 01/4/2010, cho đến thời điểm hiện tại đã áp dụng được 6

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

năm và chưa có văn bản điều chỉnh giá bán nước. Do đó, việc tăng doanh thu thuần của Công ty chủ yếu là do nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân tăng cao dẫn đến khối lượng nước sạch cung cấp tăng, tăng doanh thu của Công ty.

*** Cơ cấu lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 03 năm trước cổ phần hóa**

Bảng số 3: Cơ cấu Lợi nhuận gộp giai đoạn 2013-2015 và 6 tháng 2016

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		6 tháng đầu năm 2016	
		Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT
I	Tổng lợi nhuận gộp	4.442	34,5	4.684	32,1	6.378	32,3	3.403	28,1
1	Lợi nhuận gộp từ hoạt động cung cấp nước sạch	4.212	32,7	4.411	30,2	5.091	25,8	2.936	24,2
2	Lợi nhuận gộp từ hoạt động lắp đặt	230	1,8	274	1,9	1.287	6,5	468	3,9
II	Doanh thu thuần	12.862	100	14.581	100	19.718	100	12.119	100

Mặc dù, các khoản chi phí như nhân công, vật liệu, điện năng tiêu thụ,... phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty liên tục thay đổi và có xu hướng tăng qua các năm, tuy nhiên giá bán nước sạch của Công ty áp dụng hiện nay theo Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên đã được 6 năm kể từ 01/4/2010 và chưa được thay đổi dẫn đến lợi nhuận gộp của công ty có xu hướng giảm qua các năm.

6.2. Nguyên vật liệu

Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên là một đơn vị có truyền thống lâu năm trong lĩnh vực cấp nước. Nguồn nguyên vật liệu chính của Công ty là khai thác nước từ sông tự nhiên và nguồn nước ngầm dưới đất. Ngoài ra, Công ty còn sử dụng các nguyên vật liệu khác như điện, phèn, clo, vôi,... và các vật liệu phụ khác để xử lý nước trước khi cung cấp nước sạch cho người tiêu thụ. Bên cạnh đó, để phát triển mạng lưới đường ống đến người dân có nhu cầu tiêu thụ nước sạch, Công ty cần những vật liệu khác như: ống nước, đồng hồ đo nước, van, tê, cút...

Do nguồn nguyên vật liệu chính của Công ty được khai thác từ tự nhiên nên tương đối ổn định. Tuy nhiên, nguồn nước đầu vào còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên như nồng độ các chất có trong nước, độ mặn cần phải xử lý, lưu lượng nước sông trước tình hình khí hậu hàng năm.

Tỷ trọng giá vốn hàng bán trong cơ cấu chi phí là khá lớn chính vì vậy việc biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Trong khi đó, khung giá tiêu thụ nước sạch bán cho người dân do

UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt. Vì vậy, khi chi phí nguyên vật liệu tăng mà UBND tỉnh Hưng Yên chưa kịp thời điều chỉnh giá bán nước tương ứng thì doanh thu và lợi nhuận của Công ty sẽ bị ảnh hưởng lớn. Do nhận biết được vấn đề này, Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa sự biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào.

6.3. Chi phí sản xuất

Công ty TNHH MTV Kinh doanh Nước sạch Hưng Yên là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp sản phẩm nước sạch phục vụ sinh hoạt và các nhu cầu khác trên địa bàn toàn tỉnh, ngoài ra Công ty còn hoạt động trong ngành thiết kế, xây dựng, lắp đặt thiết bị, công nghệ mạng lưới đường ống công trình cấp thoát nước quy mô vừa và nhỏ. Theo đó, chi phí hoạt động của Công ty chủ yếu là giá vốn hàng bán cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Cơ cấu chi phí của Công ty các năm trước cổ phần hóa như sau:

Bảng số 4: Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2013-2015 và 6 tháng đầu năm 2016

TT	Cơ cấu chi phí	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		6 tháng đầu năm 2016	
		Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT
I	Giá vốn hàng bán	8.420	65,5	9.897	67,9	13.340	67,7	8.716	71,9
1	Từ hoạt động cung cấp nước sạch	6.643	51,6	7.558	51,8	10.102	51,2	5.349	44,1
2	Từ hoạt động lắp đặt	1.777	13,8	2.339	16,0	3.238	16,4	3.367	27,8
II	Chi phí bán hàng	2.378	18,5	2.604	17,9	3.842	19,5	2.165	17,9
III	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.706	21,0	2.581	17,7	2.522	12,8	1.276	10,5
IV	Chi phí tài chính	35	0,3	137	0,9	278	1,4	223	1,8
V	Chi phí khác	29	0,2	10	0,1	37	0,2	2	0,02
Tổng cộng chi phí		13.568	105,5	15.229	104,4	20.019	101,5	12.382	102,2
Doanh thu thuần		12.862	100	14.581	100	19.718	100	12.119	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013; 2014; 2015 và BCTC tự lập 6 tháng đầu năm 2016)

6.4. Trình độ công nghệ

Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên trong những năm qua không những duy trì hoạt động ổn định, duy trì cấp nước và đã có một số thành công bước đầu trong việc phát triển và ứng dụng công nghệ mới, đưa công tác quản lý lên mức độ quản lý cao hơn.

Công tác vận hành sản xuất được tối ưu hóa. Trong những năm vừa qua công tác chống thất thu, thất thoát được Công ty đặc biệt quan tâm, công tác kiểm tra rò rỉ trên mạng lưới, các điểm gây vỡ ống gây rò rỉ được phát hiện và xử lý kịp thời, nhiều biện pháp chống thất thu thất thoát được triển khai thực hiện: Phân vùng tách mạng; lắp đặt đồng hồ tổng phân mạng theo từng tuyến, từng khu vực để điều tiết áp lực... đã giảm đáng kể tỷ lệ thất thoát nâng cao tuổi thọ của thiết bị, đường ống.

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Hiện tại, Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên chỉ tập trung vào các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo ngành nghề đã đăng ký theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng, sản phẩm dịch vụ

Để đảm bảo chất lượng các dịch vụ của mình, Công ty giao trách nhiệm cho Phòng kế hoạch kỹ thuật tổ chức kiểm tra, xét nghiệm mẫu nước đảm bảo theo quy định, đồng thời hàng ngày thường xuyên giám sát chất lượng nước sạch; tổ chức kiểm định đồng hồ đo đếm nước sạch của Công ty theo đúng tiêu chuẩn đo lường.

Công ty thực hiện xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý, quy trình giải quyết công việc một cách khoa học; từng bước cải tiến phương pháp làm việc, tạo điều kiện thuận lợi cho từng cán bộ, công nhân viên, phòng, ban, đơn vị giải quyết công việc thông suốt, kịp thời, hiệu quả; đơn giản hóa quy trình và rút ngắn thời gian giải quyết công việc của Công ty.

6.7. Hoạt động marketing

Do đặc thù sản phẩm, mục tiêu sản xuất kinh doanh, hoạt động Marketing của Công ty đang từng bước được chú trọng và đẩy mạnh. Về cơ bản, Công ty không có bộ phận chuyên triển khai hoạt động Marketing. Hiện nay, Công ty chỉ giới thiệu sản phẩm và hoạt động của mình qua bộ phận thu tiền nước, một số phương tiện thông tin đại chúng như đài truyền thanh, một số tờ báo địa phương,...

6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện Công ty chưa sử dụng logo để đăng ký bản quyền để làm thương hiệu cho sản phẩm, dịch vụ của Công ty.

6.8. Các hợp đồng mua bán nước sạch lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng số 5: Một số hợp đồng mua bán nước sạch lớn của Công ty đang thực hiện giai đoạn 2013-2015

TT	Tên đối tác	Số hợp đồng	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Giá trị (đồng)
1	Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Hưng Yên	2685	Nước sạch	Không thời hạn	Theo nhu
2	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên	2682			

3	Công an trại giam tỉnh Hưng Yên	2667			cầu nước hàng tháng
4	Công an PCCC tỉnh Hưng Yên	2782			
5	Công an tỉnh Hưng Yên	5.253			
6	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hưng Yên	2747			
7	Khu tập thể Công an tỉnh Hưng Yên	2781			
8	Ban quản lý nhà ở sinh viên	5022			
9	Tổng Công ty may Hưng Yên	4824B			

(Nguồn: Công ty TNHH MTV doanh nước sạch Hưng Yên)

6.9. Dự án, công trình Công ty làm chủ đầu tư đang triển khai:

Bảng số 6: Dự án, công trình Công ty làm chủ đầu tư đang triển khai

TT	Tên công trình	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Thời gian thực hiện
1	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước TP Hưng Yên, nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi ODA Phần Lan, công suất 10.000 m ³ /ngày đêm	185.346	Dự án hiện đang tạm dừng thi công và chờ ý kiến của Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam và các Bộ, ngành hữu quan,...

(Nguồn: Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên)

TÓM TẮT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN HỆ THỐNG CẤP NƯỚC THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, CÔNG SUẤT 10.000 M³/NG.ĐÊM, NGUỒN VỐN VAY TÍN DỤNG ƯU ĐÃI ODA PHẦN LAN

6.9.1. Thông tin chung.

Dự án Hệ thống cấp nước thành phố Hưng Yên, nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi ODA Phần Lan do Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên làm Chủ đầu tư. Nhà thầu chính là Tập đoàn Bafø Phần Lan (viết tắt là Nhà thầu) thực hiện toàn bộ việc thiết kế chi tiết, tổ chức thi công, cung cấp vật tư, thiết bị, lắp đặt và đào tạo chuyển giao Dự án. Sau khi trúng thầu, Chủ đầu tư và Nhà thầu đã ký hợp đồng thực hiện Dự án số HY-WP-01 ngày 01/7/2009. Hợp đồng trên đã được UBND tỉnh phê chuẩn ngày 20/7/2009, có hiệu lực từ ngày 05/12/2009, thời gian thực hiện hợp đồng là 18 tháng, tổng giá trị hợp đồng: 5.951.811 EURO.

6.9.2. Kết quả thực hiện dự án.

a. Tiến độ thực hiện:

Ngay sau khi hợp đồng được ký kết, chủ đầu tư đã tạm ứng cho nhà thầu 20% giá trị hợp đồng, tương đương 1.166.513 EURO. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, nhà thầu không tập trung nguồn lực để thực hiện Dự án, không cung cấp vật tư, máy móc, thiết bị có xuất xứ theo danh mục hợp đồng đã ký; chưa tuân thủ quy trình thanh toán hàng hóa nhập khẩu theo các điều khoản của hợp đồng, dẫn đến tiến độ thi công lắp đặt thiết bị công trình quá chậm nhiều so với kế hoạch. Hợp đồng đã được gia hạn 03 lần (lần 1 đến ngày 29/02/2012; lần 2 đến ngày 31/5/2012; lần 3 đến ngày 15/5/2013). Đến nay hợp đồng đã hết hiệu lực, thi công mới đạt khoảng 42% khối lượng theo hợp đồng.

b. Về giải ngân của Chủ đầu tư:

b1. Phần vốn đã giải ngân của Dự án: 2.533.997,2 EURO tương đương 65.905.369.000 đồng. Bao gồm:

- Thanh toán vốn ODA lũy kế đến lần 3 là: 1.981.592,18 EURO tương đương 51.538.165.000 đồng. Trong đó:

+ Thanh toán trả nhà thầu là: 1.862.696,65 EURO (gồm giá trị khối lượng hoàn thành đến lần 3 và phần tạm ứng cho nhà thầu còn lại);

+ Thanh toán phí bảo hiểm finvera 6% vốn vay cho các đợt đã thanh toán là 118.895,53 EURO;

- Thanh toán vốn đối ứng trong nước là : 14.367.204.000 đồng. Trong đó:

+ Thanh toán tiền thuế TNDN, thuế GTGT cho nhà thầu là: 3.502.962.000 đồng;

+ Thanh toán chi phí lãi vay, phí cho vay trả NHPT Hưng Yên là: 4.866.336.000 đồng;

+ Thanh toán chi phí tư vấn, QLDA, GPMB và chi phí khác là: 5.997.906.000 đồng

b2. Tạm tính giá trị khối lượng hoàn thành giữa kỳ lần 4 và lần 5 của nhà thầu: Do nhà thầu chưa hoàn thiện hồ sơ thanh toán lần 4 và lần 5 thì đã hết thời gian thực hiện hợp đồng (ngày 15/5/2013). Nên chủ đầu tư chưa thanh toán khối lượng hoàn thành cho nhà thầu được.

- Chủ đầu tư tạm tính giá trị khối lượng hoàn thành giữa kỳ lần 4 (Gồm giá trị khối lượng nhập khẩu lô hàng số 1 là ống gang dẻo và phụ kiện và một phần giá trị khối lượng công việc xây dựng) là: 898.800 EURO (có phụ lục số KN-KDNS - 02 bảng tạm tính giá trị KLHT giữa kỳ lần 4 kèm theo);

- Chủ đầu tư tạm tính giá trị khối lượng hoàn thành giữa kỳ lần 5 là: 100.718 EURO (có phụ lục số KN-KDNS -03 bảng tạm tính giá trị KLHT giữa kỳ lần 5 kèm theo);

Như vậy tổng giá trị khối lượng hoàn thành giữa kỳ lần 4, lần 5 chủ đầu tư tạm tính là: 999.518 EURO.

6.9.3. Khó khăn vướng mắc và giải pháp tháo gỡ.

a. Một số vướng mắc chính trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện Dự án đã phát sinh một số vướng mắc, tồn đọng trong thời gian dài không giải quyết được, nguyên nhân chủ yếu do năng lực nhà thầu yếu kém; nhà thầu đề nghị sửa đổi, bổ sung một số nội dung quan trọng của hợp đồng đã ký, cụ thể:

- Nhà thầu tổ gia hạn chế về năng lực tài chính và năng lực kinh nghiệm, dẫn đến tiến độ thực hiện hợp đồng quá chậm, mang tính chất chây ì. Nhà thầu đã đề nghị thay đổi hầu hết xuất xứ vật tư, máy móc, thiết bị theo danh mục của hợp đồng đã ký mà không đưa ra được lý do chính đáng cho việc thay đổi, việc thay đổi xuất xứ trên không đi kèm thay đổi giá tương ứng mà đòi tính theo giá dự thầu ban đầu; mặt khác việc thay đổi trên ảnh hưởng nhiều tới tỉ lệ hàng hóa và dịch vụ xuất xứ từ Phần Lan theo quy định.

- Nhà thầu không tuân thủ quy trình thanh toán hàng hóa nhập khẩu. Trong khi hợp đồng quy định thanh toán 70% giá trị hàng hóa có khấu trừ tiền tạm ứng và tiền giữ lại bảo hành 5% khi hàng hóa nhập khẩu về chân công trình và được kiểm tra nghiệm thu theo quy định của pháp luật Việt Nam; thanh toán giá trị còn lại 30% có khấu trừ tiền tạm ứng và tiền giữ lại bảo hành 5% sau khi lắp đặt xong và được đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và được nghiệm thu theo quy định. Nhưng nhà thầu đòi thanh toán 70% giá trị hàng hóa có khấu trừ tiền tạm ứng và tiền giữ lại bảo hành 5% khi hàng lên tàu và thanh toán nốt 30% giá trị còn lại có khấu trừ tiền tạm ứng và tiền giữ lại bảo hành 5% khi hàng về đến chân công trình được Chủ đầu tư kiểm tra nghiệm thu để đưa vào lắp đặt.

b. Các biện pháp tháo gỡ khó khăn đã thực hiện của các đơn vị liên quan.

- Chính phủ Việt Nam: Đã có nhiều văn bản chỉ đạo các bộ, ngành Trung ương xem xét, tạo điều kiện giúp đỡ, hướng dẫn chủ đầu tư và nhà thầu tháo gỡ khó khăn vướng mắc của Dự án.

- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Ngoại giao, UBND tỉnh Hưng Yên, Đại sứ quán Phần Lan tại Việt Nam và các sở, ngành chức năng của tỉnh đã kịp thời hướng dẫn, giúp đỡ chủ đầu tư tìm biện pháp tháo gỡ khó khăn, đồng thời yêu cầu nhà thầu hợp tác với chủ đầu tư, tuân thủ thực hiện hợp đồng đã ký.

- Kết quả đạt được: Thông qua đơn vị tư vấn, nhà thầu và chủ đầu tư đã thương thảo, đi đến thống nhất về quy trình thanh toán đối với thiết bị, máy móc nhập khẩu và việc thay đổi xuất xứ vật tư, máy móc thiết bị của Dự án. Những vấn đề trên đã được UBND tỉnh chấp thuận.

- Tuy nhiên, nhà thầu lại không ký Phụ lục Hợp đồng theo những vấn đề đã đạt được qua thương thảo để tiếp tục thi công hoàn thành Dự án mà Nhà thầu lại làm đơn khởi kiện chủ đầu tư ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam với những lý do không đúng sự thật.

c. Vương mắc mới nảy sinh của Dự án.

Sau khi bị khởi kiện, chủ đầu tư đã có bản tự bảo vệ “ về việc ý kiến phản bác đơn khởi kiện của nhà thầu đối với chủ đầu tư”; đồng thời, có đơn gửi Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam kiện lại nhà thầu. Kết quả giải quyết tranh chấp giữa chủ đầu tư và nhà thầu đang chờ phán quyết của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam .

6.9.4. Kiến nghị đề xuất.

Để dự án tiếp tục triển khai thi công hoàn thành đưa vào sử dụng cấp nước sạch cho nhân dân thành phố Hưng Yên và các vùng phụ cận. Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên tiếp tục kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Đại sứ quán Phần Lan, UBND tỉnh Hưng Yên và các bộ : Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Ngoại giao tiếp tục quan tâm, giúp đỡ cho dự án như sau:

a. Nếu Trung tâm Trọng Tài Quốc tế Việt Nam hòa giải vụ tranh chấp hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu thành công, chủ đầu tư và nhà thầu ký được Phụ lục hợp đồng thay đổi điều chỉnh một số nội dung của Hợp đồng số HY-WP-01 theo kết quả đạt được qua thương thảo và gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng để tiếp tục thực hiện dự án thì:

- Dự án tiếp tục được sử dụng nguồn vốn tín dụng ưu đãi ODA Phần Lan để thi công hoàn thành công trình.

- Đề nghị Đại sứ quán Phần Lan chấp thuận tỷ lệ hàng hóa và dịch vụ xuất xứ Phần Lan từ 33,03% (theo hợp đồng) xuống còn 24,83% (sau điều chỉnh thay đổi xuất xứ vật tư, máy móc, thiết bị trong Hợp đồng HY-WP-01); gia hạn tín dụng ưu đãi ODA để có đủ thời gian thực hiện Dự án.

- Đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hưng Yên sớm ký gia hạn hợp đồng tín dụng với Chủ đầu tư (sau khi chủ đầu tư và nhà thầu ký phục lục hợp đồng gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng).

- Cho Dự án được khoan nợ kể từ ngày 16/5/2013 đến ngày chủ đầu tư ký được Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam hoặc đến khi có phương án khác cho việc tiếp tục thực hiện dự án.

b. Trường hợp Trung tâm Trọng Tài Quốc tế Việt Nam hòa giải không thành công tranh chấp:

- Công ty kính đề nghị UBND tỉnh Hưng Yên sẽ kết thúc Dự án với trình tự, thủ tục theo Hợp đồng và Bộ Luật dân sự của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam như gợi ý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Biên bản họp định kỳ của Tổ công tác hỗn hợp Việt Nam – Phần Lan về tín dụng ưu đãi Phần Lan vào ngày 09/10/2013.

- Đề nghị Đại sứ quán Phần Lan, các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Ngoại giao, UBND tỉnh Hưng Yên chỉ đạo, hướng dẫn chủ đầu tư theo hướng tổ chức lựa chọn nhà thầu khác thay thế Nhà thầu Bafo Phần Lan để tiếp tục thực

hiện khối lượng công việc còn lại của Dự án (*Dự án tiếp tục được sử dụng nguồn vốn tín dụng ưu đãi ODA Phần Lan*).

*** Ghi chú:**

Giả thiết trong trường hợp các cấp cho phép chủ đầu tư dừng hợp đồng số HY-WP-01 với nhà thầu Tập đoàn Bafo Phần Lan. Chủ đầu tư tạm tính giá trị thanh quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu là:

- Số tiền chủ đầu tư tạm tính trả nhà thầu là: 1.168.383 EURO, trong đó:

+ Giá trị khối lượng hoàn thành lần 4 và lần 5 (*như đã trình bày ở trên*) là: 999.518 EURO.

+ Chủ đầu tư tạm tính giá trị khối lượng còn lại của vật tư ống gang dẻo và phụ kiện nhà thầu đã nhập về công trường (*với điều kiện nhà thầu phải bàn giao lại cho chủ đầu tư số vật tư ống gang còn lại trên công trường đảm bảo về số lượng, chất lượng theo quy định*). Với giá trị là: 117.334 EURO

(*có phụ lục số KN-KDNS -04 bảng tạm tính giá trị khối lượng còn lại vật tư ống gang dẻo và phụ kiện đã nhập về công trường kèm theo*)

+ Thanh toán nốt giá trị tiền bảo hành công trình 5% lũy kế khối lượng hoàn thành đến đợt 3 là: 51.531,0 EURO

- Số tiền nhà thầu phải trả chủ đầu tư là: 883.605,0 EURO (*đây là số tiền chủ đầu tư đã tạm ứng còn lại cho nhà thầu*).

Như vậy chủ đầu tư tạm tính số tiền chủ đầu tư sẽ phải trả nhà thầu còn lại là: 1.168.383 EURO - 883.605,0 EURO = 284.778,0 EURO, tương đương 7.261.839.000 đồng (*tạm quy đổi 01 EURO = 25.500 VNĐ*)

(*Lưu ý: Để xác định giá trị khối lượng thực tế công việc trên của nhà thầu theo hợp đồng HY-WP-01 cần phải được một đơn vị tư vấn thực hiện, vì các lần nghiệm thu khối lượng hoàn thành giữa kỳ các đợt chỉ mang tính chất tương đối, cuối cùng thì nhà thầu vẫn phải thi công hoàn thành công trình,...*)

6.10. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2013-2015 và 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty

Bảng số 7: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2013-2015

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	30/6/2016
1. Tổng giá trị tài sản	Tr. đồng	152.238	161.227	172.273	171.737
2. Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán	Tr. đồng	50.449	52.934	57.305	57.310
3. Nợ vay ngắn hạn	Tr. đồng	-	-	-	-
Trong đó, nợ quá hạn		-	-	-	-

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	30/6/2016
4. Nợ vay dài hạn	Tr. đồng	93.314	100.944	105.181	102.963
Trong đó, nợ quá hạn	Tr. đồng	1.432	4.295	7.158	8.590
5. Nợ phải thu khó đòi	Tr. đồng	-	9,8	-	-
6. Tổng số lao động	Người	109	110	110	106
7. Tổng quỹ lương	Tr. đồng	6.192	6.691	6.962	3.360
8. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Tr. đồng	4,74	5,07	5,27	5,28
9. Tổng doanh thu	Tr. đồng	13.632	15.257	20.432	12.387
10. Tổng chi phí	Tr. đồng	13.568	15.229	20.019	12.382
11. Lợi nhuận thực hiện	Tr. đồng	63,6	28,28	413,92	6,24
12. Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	63,6	28,28	255,26	44,99
13. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước	%	0,13	0,05	0,45	0,08

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014, 2015 và BCTC tự lập 6 tháng đầu năm 2016)

7. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

7.1. Thuận lợi

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các sở ban ngành hữu quan trong tỉnh.

- Ban lãnh đạo Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, tâm huyết và có trách nhiệm trong công việc. Đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn, nhiều kinh nghiệm, tinh thần đoàn kết và tự giác cao.

- Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong hoạt động cấp nước như: xây dựng, vận hành, quản lý nhà máy và mạng lưới cấp nước, giảm tỷ lệ thất thoát nước...

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị của Công ty đã được đầu tư cải tạo, công suất các nhà máy được nâng cao, hệ thống cấp nước được mở rộng trong toàn tỉnh, là cơ hội để Công ty phát triển.

- Công ty nhận được nhiều sự ủng hộ của khách hàng, khẳng định được vị thế, uy tín trên thị trường.

7.2. Khó khăn

- Nền kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn do hậu quả của suy thoái kinh tế; việc thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng chậm;

thiên tai, dịch bệnh và biến đổi khí hậu toàn cầu tiếp tục diễn biến phức tạp, sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn.

- Mức lương tối thiểu của Nhà nước tăng, giá điện, vật tư, hóa chất tăng cao dẫn đến chi phí sản xuất tăng trong khi đó giá nước Công ty chưa được điều chỉnh kịp thời để đủ bù đắp chi phí (*từ năm 2010 cho đến nay giá nước của Công ty chưa được điều chỉnh*).

- Tình hình tài chính của Công ty gặp khó khăn, áp lực trả lãi vay tín dụng để xây dựng các dự án; các dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho các thị trấn, thị tứ vùng nông thôn một số huyện có vốn đầu tư lớn nhưng công suất tiêu thụ giai đoạn đầu còn thấp, chưa đạt so với thiết kế.

- Tình trạng ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước tiếp tục tăng cao; mực nước sông, nước ngầm xuống thấp dẫn đến việc khai thác và xử lý nước sẽ khó khăn.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Do đặc thù của ngành cung cấp nước sạch, mỗi doanh nghiệp cung cấp nước sạch hoạt động trong một phạm vi địa lý nhất định. Hiện tại, Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên là đơn vị thực hiện cung cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Hưng Yên, một số thị trấn, thị tứ các huyện trên địa bàn tỉnh Hưng Yên như: Thị trấn Vương và các xã Dị Chế, xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ; thị tứ Phùng Hưng, huyện Khoái Châu; thị tứ Toàn Thắng, huyện Kim Động; thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi,...

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

- Trên địa bàn tỉnh Hưng Yên thì Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên là đơn vị được UBND tỉnh Hưng Yên giao nhiệm vụ sản xuất, cung cấp nước sạch cho nhân dân trên toàn tỉnh, ngoài ra cũng có một số đơn vị cấp nước tư nhân quy mô tương đối lớn phục vụ cấp nước cho khu Công nghiệp Phố nổi và một số thị trấn, thị tứ khác trong tỉnh.

- Nước sạch là mặt hàng quan trọng, thiết yếu đối với toàn xã hội. Khi nền kinh tế phát triển, tốc độ đô thị hóa cao, nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng tăng. Hơn nữa do biến đổi khí hậu, nguồn nước ngầm, nước mặt ngày càng cạn kiệt và trở nên ô nhiễm, khi đó nhu cầu sử dụng nước trong tự nhiên được thay thế bởi các nguồn nước sạch do Công ty cấp nước cung cấp. Tuy nhiên ở Việt Nam hiện nay, ngành công nghiệp nước và vệ sinh môi trường chưa đáp ứng được nhu cầu trước thực trạng tốc độ đô thị hóa và công nghiệp hóa cao. Nước thải chưa được xử lý thải trực tiếp ra môi trường gây ô nhiễm nghiêm trọng. Chính vì vậy, lĩnh vực cung cấp nước sạch luôn là lĩnh vực được Chính phủ, các tổ chức và toàn xã hội đặc biệt quan tâm với rất nhiều dự án tài trợ nhằm phát triển hệ thống cung cấp nước sạch cho xã hội.

- Nước sạch là loại hàng hóa mang tính chất dịch vụ công cộng, sản phẩm làm ra được người dân và các ngành kinh tế tiêu thụ ngay. Do tính đặc thù và đặc điểm của sản phẩm nên đã tạo được khá nhiều thuận lợi cho Công ty tiến hành hoạt động sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân và các tổ chức trong xã hội nên chất lượng phục vụ luôn được Công ty đặt lên hàng đầu. Chất lượng phục vụ của các hoạt động công ích của Công ty ngày càng được nâng cao nên được khách hàng tin tưởng và ủng hộ. Đây là yếu tố rất thuận lợi giúp Công ty có khả năng cạnh tranh sau khi chuyển sang hình thức Công ty cổ phần.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

- Theo Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định 1929), mục tiêu đạt được đến năm 2025 là tỷ lệ bao phủ cấp nước sạch tại các đô thị đạt 100% với tiêu chuẩn cấp nước bình quân đạt là 120 lít/người/ngày đêm; và giảm tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch xuống dưới 15% (từ mức bình quân 22%-25% vào năm 2016).

- Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Hưng Yên theo quy định cấp nước và định hướng phát triển ngành theo Quyết định 1929, Công ty sẽ xây dựng kế hoạch đầu tư mở rộng, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước, mở rộng mạng lưới cấp nước, đầu tư thiết bị để gia tăng sản lượng nước, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của tỉnh. Định hướng của Công ty hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, phù hợp với tốc độ đô thị hóa và triển vọng phát triển của ngành trong thời gian tới.

II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Tình hình sử dụng tài sản, đất đai

1.1. Tình hình sử dụng đất

Hiện nay, Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh nước sạch Hưng Yên đang quản lý và sử dụng các Khu đất theo thông tin sau:

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Bảng số 8: Bảng kê đất đai Công ty đang sử dụng tại thời điểm 31/12/2015

STT	Địa chỉ	Kiểm kê			Hiện trạng sử dụng trước CPH
		Đơn vị	Diện tích theo QĐ giao đất	Diện tích thực tế sử dụng	
I	Nhà máy nước số II, thành phố Hưng Yên, công suất 5.000 m³/ngày				
1	Khu xử lý nước Nhà máy nước số 2, thành phố Hưng Yên, công suất 5.000 m ³ /ngày đêm tại số 3 đường Tô Hiệu, Phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	m ²	12.279,20	12.279,20	Đất đang sử dụng làm trụ sở văn phòng Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên; Xây dựng khu xử lý nước, trạm bơm, bể chứa, bể lắng lọc, nhà hóa chất, nhà kho, sân phơi bùn,... Nhà máy nước số 2, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
2	Trạm bơm khai thác nước thô tại xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	m ²	37,50	37,50	Xây dựng trạm bơm khai thác nước thô H3 (giếng số 1)
		m ²	77,40	77,40	Xây dựng trạm bơm khai thác nước thô H82 (giếng số 2)
		m ²	48,00	48,00	Xây dựng trạm bơm khai thác nước thô 1A
		m ²	16,50	16,50	Xây dựng trạm bơm khai thác nước thô 2 A
3	Trạm bơm khai thác nước thô tại xã Tân Hưng, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	m ²	37,50	37,50	Xây dựng trạm bơm khai thác nước thô H11B (giếng số 3)
		m ²	77,40	77,40	Xây dựng trạm bơm khai thác nước thô H11 (giếng số 4)

PHƯƠNG ÁN CÔ PHẦN HÓA

4	Đường ống dẫn nước thô, cống thoát nước và đường điện cao thế 35Kv cấp cho Nhà máy nước số 2, thành phố Hưng Yên, công suất 5.000m ³ /ngđêm tại xã Liên Phương, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	m ²	770,00	770,00	Đặt đường ống nước thô, cống thoát nước và đường điện cao thế 35Kv cấp cho Nhà máy nước 5.000m ³ /ngđêm
II	Nhà máy cấp nước thị trấn Vương và các xã Dị Chế, Hải Triều, huyện Tiên Lữ				
1	Xây dựng Trạm bơm cấp nước thị trấn Vương và các xã Dị Chế, Hải Triều, huyện Tiên Lữ tại xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	m ²	1.008,00	1.008,00	Xây dựng văn phòng Nhà máy, bể chứa, trạm bơm cấp nước, nhà kho,...
III	Nhà máy cấp nước thị Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên				
1	Khu xử lý nước Nhà máy cấp nước tại thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	m ²	2.160,00	2.160,00	Xây dựng văn phòng Nhà máy, trạm bơm, khu xử lý nước, bể lọc, bể chứa, nhà kho, sân phơi bùn,...
2	Trạm bơm khai thác nước thô tại thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	m ²	60,00	60,00	Xây dựng trạm bơm khai thác nước thô giếng số 1
		m ²	60,00	60,00	Xây dựng trạm bơm khai thác nước thô giếng số 2
IV	Nhà máy cấp nước thị tứ Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên				
1	Khu xử lý Nhà máy cấp nước thị tứ Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tại xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	m ²	15.958,00	15.958,00	Xây dựng văn phòng Nhà máy, hồ sơ lắng, trạm bơm, khu xử lý nước, bể lọc, bể chứa, nhà kho, nhà hóa chất,...

PHƯƠNG ÁN CỐ PHẦN HÓA

2	Trạm bơm khai thác nước tại xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	m ²	60,00	60,00	Xây dựng trạm bơm khai thác nước thô Sông Hồng
V	Nhà máy cấp nước thị tứ Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên				
1	Trạm bơm cấp nước thị tứ Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên tại xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	m ²	1.344,00	1.344,00	Xây dựng văn phòng Nhà máy, nhà kho,... và dự kiến sau này sẽ xây dựng thêm bể chứa nước sạch, trạm bơm cấp nước,...
VI	Nhà máy nước 10.000 m³/ngày đêm thành phố Hưng Yên, nguồn vốn tín dụng ưu đãi ODA Phần Lan				
1	Khu xử lý nước trạm cấp nước 10.000 m ³ /ngày đêm tại xã Phương Chiểu, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	m ²	56.271,00	56.271,00	Đất đang xây dựng công trình dở dang: Văn phòng nhà máy, hồ sơ lắng, bể lắng lọc, bể chứa nước sạch, sân phơi bùn, nhà hóa chất, nhà kho,...
2	Trạm bơm khai thác nước thô tại xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	m ²	900,00	900,00	Đất đang xây dựng công trình dở dang gồm: Công trình thu và trạm bơm khai thác nước thô Sông Luộc
	Tổng cộng		91.164,5	91.164,5	

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp)

1.2. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

a) Tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2015 như sau:

Bảng số 9: Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2015

Đơn vị: Đồng

TT	Loại tài sản	Giá trị sổ sách		Giá trị đánh giá lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	TSCĐ ĐANG DÙNG	108.852.321.839	86.253.281.261	109.564.778.981	87.874.872.426
I	Tài sản cố định hữu hình	99.493.969.593	78.485.151.078	100.206.426.735	80.106.742.243
1	Nhà, vật kiến trúc	33.266.346.231	27.941.471.439	33.942.484.282	28.674.680.507
2	Máy móc thiết bị	65.699.942.453	50.543.679.639	65.699.942.453	51.110.581.736
3	Phương tiện vận tải	527.680.909	-	564.000.000	321.480.000
II	Tài sản cố định vô hình	9.358.352.246	7.768.130.183	9.358.352.246	7.768.130.183
B	TSCĐ KHÔNG CẦN DÙNG	170.279.327	56.594.013	170.279.327	56.594.013
1	Nhà, vật kiến trúc	170.279.327	56.594.013	170.279.327	56.594.013
C	TSCĐ CHỜ THANH LÝ	-	-	-	-
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI	-	-	-	-
TỔNG CỘNG (A+B+C+D)		109.022.601.166	86.309.875.274	109.735.058.308	87.931.466.439

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp)

b) Máy móc thiết bị

Bảng số 10: Tình hình sử dụng máy móc thiết bị tại thời điểm 31/12/2015

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên tài sản	Giá trị sổ sách		Theo đánh giá lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	NHÀ MÁY NƯỚC SỐ II THÀNH PHỐ	21.272.491.964	12.263.962.336	21.272.491.964	12.714.168.849
I	TSCĐ Nhà máy nước	2.522.303.891	1.065.589.765	2.522.303.891	1.065.589.765

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

TT	Tên tài sản	Giá trị sổ sách		Theo đánh giá lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
	số I chuyển nhà máy nước số II sử dụng				
II	Nhà máy nước số II	18.750.188.073	11.198.372.571	18.750.188.073	11.648.579.084
1	Máy móc thiết bị XDCB chuyển sang	309.915.640	-	309.915.640	61.983.128
2	Máy móc Thiết bị mua bổ sung	2.151.981.325	1.199.081.573	2.151.981.325	1.406.404.683
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	16.288.291.108	9.999.290.998	16.288.291.108	10.180.191.273
B	XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC THỊ TRẤN VƯƠNG	12.545.579.597	7.903.753.589	12.545.579.597	8.020.449.173
I	Máy móc thiết bị	324.930.503	35.434.025	324.930.503	97.479.151
II	Phương tiện vận tải truyền dẫn	12.165.526.055	7.859.318.534	12.165.526.055	7.911.945.414
III	Tài sản cố định khác	55.123.039	9.001.030	55.123.039	11.024.608
C	NHÀ MÁY NƯỚC PHÙNG HƯNG	17.229.436.096	16.077.797.728	17.229.436.096	16.077.797.728
I	Máy móc thiết bị	1.530.775.519	1.377.698.035	1.530.775.519	1.377.698.035
II	Phương tiện vận tải truyền dẫn	15.698.660.577	14.700.099.693	15.698.660.577	14.700.099.693
D	NHÀ MÁY SẢN XUẤT NƯỚC THỊ TRẤN AN THI	8.065.494.806	8.065.494.806	8.065.494.806	8.065.494.806
I	Máy móc thiết bị	152.353.700	152.353.700	152.353.700	152.353.700
II	Phương tiện vận tải truyền dẫn	7.689.021.206	7.689.021.206	7.689.021.206	7.689.021.206
III	Tài sản cố định khác	224.119.900	224.119.900	224.119.900	224.119.900
E	NHÀ MÁY NƯỚC TOÀN THẮNG	6.586.939.990	6.232.671.180	6.586.939.990	6.232.671.180
I	Phương tiện vận tải truyền dẫn	6.531.409.990	6.189.481.180	6.531.409.990	6.189.481.180
II	Thiết bị dụng cụ quản lý	55.530.000	43.190.000	55.530.000	43.190.000
Tổng cộng		65.699.942.453	50.543.679.639	65.699.942.453	51.110.581.736

(Nguồn: Báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp)

c) Phương tiện vận tải

Bảng số 11: Tình hình sử dụng phương tiện vận tải tại thời điểm 31/12/2015

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên tài sản	Giá trị sổ sách		Theo đánh giá lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Văn phòng Công ty	527.680.909	-	564.000.000	321.480.000
1	Xe ô tô TOYOTA COROLLA ALTIS Biền kiểm soát 89K- 5471	527.680.909	-	564.000.000	321.480.000
Tổng cộng		527.680.909	-	564.000.000	321.480.000

(Nguồn: Báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp)

1.3. Tình hình về tài chính công nợ

Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách Kế toán tại thời điểm 31/12/2015 như sau:

**Bảng số 12: Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty
theo số liệu sổ sách Kế toán tại thời điểm 31/12/2015**

Đơn vị tính: đồng

❖ Vốn chủ sở hữu	57.304.689.668
Trong đó :	
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.773.018.291
- Quỹ đầu tư phát triển	137.887.148
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	197.106.826
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	16.393.784.229
❖ Các khoản phải thu	20.618.009.499
- Phải thu ngắn hạn	19.825.593.987
- Phải thu dài hạn	792.415.512
❖ Nợ phải trả	114.968.139.909
- Nợ ngắn hạn	9.787.138.729
- Nợ dài hạn	105.181.001.180

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 của Công ty)

2. Cơ cấu và trình độ lao động của Công ty

Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là **101 người**. Phân loại lao động của Công ty cụ thể như sau:

Bảng số 13: Phân loại lao động của Doanh nghiệp

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

TT	Loại lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
I	Phân loại theo trình độ	101	100
1	Trên Đại học	0	0
2	Đại học	34	33,7
3	Cao đẳng	03	3,0
4	Trung cấp	09	8,9
5	Công nhân kỹ thuật, trình độ khác	55	54,4
II	Phân loại theo hợp đồng lao động	101	100
1	Không thuộc diện ký HĐLĐ	06	5,94
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	95	94,06
III	Phân loại theo giới tính	101	100
1	Nam	67	66,3
2	Nữ	34	33,7

(Nguồn: Phương án lao động Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên)

III. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Giá trị thực tế doanh nghiệp xác định lại tại thời điểm 31/12/2015: 171.898.424.216 đồng (bao gồm cả giá trị tài sản hạng mục công trình điện đường dây 35Kv cấp điện cho nhà máy nước thị trấn Vương – Dị Chế - Hải Triều)

Trong đó:

- Nợ phải trả : 115.233.163.269 đồng
- Nguồn kinh phí sự nghiệp : 00 đồng
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp : 56.665.260.947 đồng

Bảng số 14: Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG	170.189.655.402	171.898.424.216	1.708.768.814
I	Tài sản dài hạn	135.870.939.287	137.579.708.101	1.708.768.814
1	Các khoản phải thu dài hạn	792.415.512	792.415.512	-
2	Tài sản cố định	86.253.281.261	87.874.872.426	1.621.591.165
-	TSCĐ hữu hình	78.485.151.078	80.106.742.243	1.621.591.165
	<i>Nhà, vật kiến trúc</i>	<i>27.941.471.439</i>	<i>28.674.680.507</i>	<i>733.209.068</i>
	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>50.543.679.639</i>	<i>51.110.581.736</i>	<i>566.902.097</i>
	<i>Phương tiện vận tải</i>	-	<i>321.480.000</i>	<i>321.480.000</i>

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
-	TSCĐ vô hình	7.768.130.183	7.768.130.183	-
3	Tài sản dở dang dài hạn	48.580.427.702	48.580.427.702	-
4	Tài sản dài hạn khác	244.814.812	331.992.461	87.177.649
II	Tài sản ngắn hạn	34.318.716.115	34.318.716.115	-
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	12.818.316.012	12.818.316.012	-
-	<i>Tiền mặt tồn quỹ</i>	<i>197.064.445</i>	<i>197.064.445</i>	-
-	<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>388.689.438</i>	<i>388.689.438</i>	-
-	<i>Các khoản tương đương tiền</i>	<i>12.232.562.129</i>	<i>12.232.562.129</i>	-
2	Các khoản phải thu	19.825.593.987	19.825.593.987	-
3	Hàng tồn kho	1.674.806.116	1.674.806.116	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	-	-
IV	Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B	TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	2.083.174.175	2.083.174.175	-
I	Tài sản dài hạn	56.594.013	56.594.013	-
-	Nhà, vật kiến trúc	56.594.013	56.594.013	-
II	Tài sản dở dang dài hạn	2.026.580.162	2.026.580.162	-
-	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.026.580.162	2.026.580.162	-
C	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, QUỸ PHÚC LỢI	-	-	-
E	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D) Trong đó:	172.272.829.577	173.981.598.391	1.708.768.814
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	170.189.655.402	171.898.424.216	1.708.768.814
E1	Nợ thực tế phải trả	114.968.139.909	115.233.163.269	265.023.360
E2	Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
G	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A - (E1 + E2)]	55.221.515.493	56.665.260.947	1.443.745.454

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp)

PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH NƯỚC SẠCH HUNG YÊN

1. Khái lược về Phương án cổ phần hóa của Công ty

1.1. Căn cứ pháp lý cổ phần hóa

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính Phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;

- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;

- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;

- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần;

- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;

- Thông tư số 115/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần;

- Công văn số 2080/TTg-ĐMDN ngày 12/11/2015 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt phương án sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp thuộc tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2015-2016;

- Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 17/02/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc cổ phần hóa và thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên;

- Quyết định số 44/QĐ-BCĐ ngày 11/3/2016 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa tại doanh nghiệp về việc thành lập Tổ giúp việc thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên;

- Quyết định số 2436/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên;

- Quyết định số 2526/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt phương án sử dụng đất Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên;

- Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt tiêu chí, trình tự lựa chọn, phương thức bán làm cơ sở để lựa chọn và bán cổ phần lần đầu cho Nhà đầu tư chiến lược của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên.

- Văn bản số 3143/UBND-TH ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc xử lý vướng mắc khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên.

- Văn bản số 43/UBND-KT2 ngày 09/01/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc đấu nối đường dây và trạm biến áp của Công ty TNHH cấp nước Hải Hưng.

- Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

1.2. Mục tiêu và ý nghĩa cổ phần hóa

Việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh nước sạch Hưng Yên nhằm đạt được mục tiêu và ý nghĩa sau đây:

- Thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ chế kinh tế từ kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường theo hướng Xã hội chủ nghĩa của Nhà nước. Trong đó, cổ phần hóa là nội dung quan trọng để chuyển đổi những Công ty 100% vốn Nhà nước sang loại hình Doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, huy động các nguồn vốn của cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong nước và ngoài nước để tăng cường năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của mỗi doanh nghiệp và cả nền kinh tế.

- Tạo điều kiện huy động vốn từ nhiều nguồn để đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo thêm việc làm cho người lao động, ổn định và phát triển Doanh nghiệp.

- Tạo điều kiện cho người lao động có cổ phần và các cổ đông Công ty trở thành người chủ thực sự của Doanh nghiệp. Tăng cường sự giám sát của Nhà đầu tư đối với Doanh nghiệp, minh bạch hóa hoạt động của Doanh nghiệp, từ đó thúc đẩy sự phát triển của Doanh nghiệp bảo đảm hài hòa các lợi ích của Nhà nước, Doanh nghiệp, Nhà đầu tư và Người lao động.

- Không ngừng phát triển Doanh nghiệp về mọi mặt nhằm nâng cao giá trị cổ phần, tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động cũng như lợi tức của các cổ đông và tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước góp phần tăng trưởng nền kinh tế của đất nước.

1.3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa

- Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của UBND tỉnh Hưng Yên và các cơ quan ban

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

ngành của Tỉnh. Đây là điều kiện thuận lợi giúp Công ty xúc tiến nhanh hơn việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá;

- Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần;

- Ban Giám đốc Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho người lao động cũng được thực hiện nghiêm túc, triệt để;

- Tập thể người lao động của Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá, sẵn sàng tham gia góp vốn mua cổ phần, tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty sau giai đoạn cổ phần hóa.

1.4. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa và quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần, hình thức cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên là: **Kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.**

2. Thông tin cơ bản về doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa.

2.1. Thông tin doanh nghiệp.

- Tên Công ty viết : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HƯNG YÊN**
bằng tiếng Việt
- Tên Công ty viết tắt : **CÔNG TY CẤP NƯỚC HƯNG YÊN**
bằng tiếng Việt
- Tên Công ty bằng : **HUNG YEN WATER SUPPLY JOINT STOCK**
tiếng Anh **COMPANY**
- Tên Công ty viết tắt : **HUNG YEN WATER**
- Trụ sở chính : Số 3 đường Tô Hiệu, phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại : (0321) 3862 487
- Fax : (0321) 3865 298
- Email : ctycnnhy@gmail.com

2.2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa :

Bảng số 15: Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa

STT	Tên ngành
-----	-----------

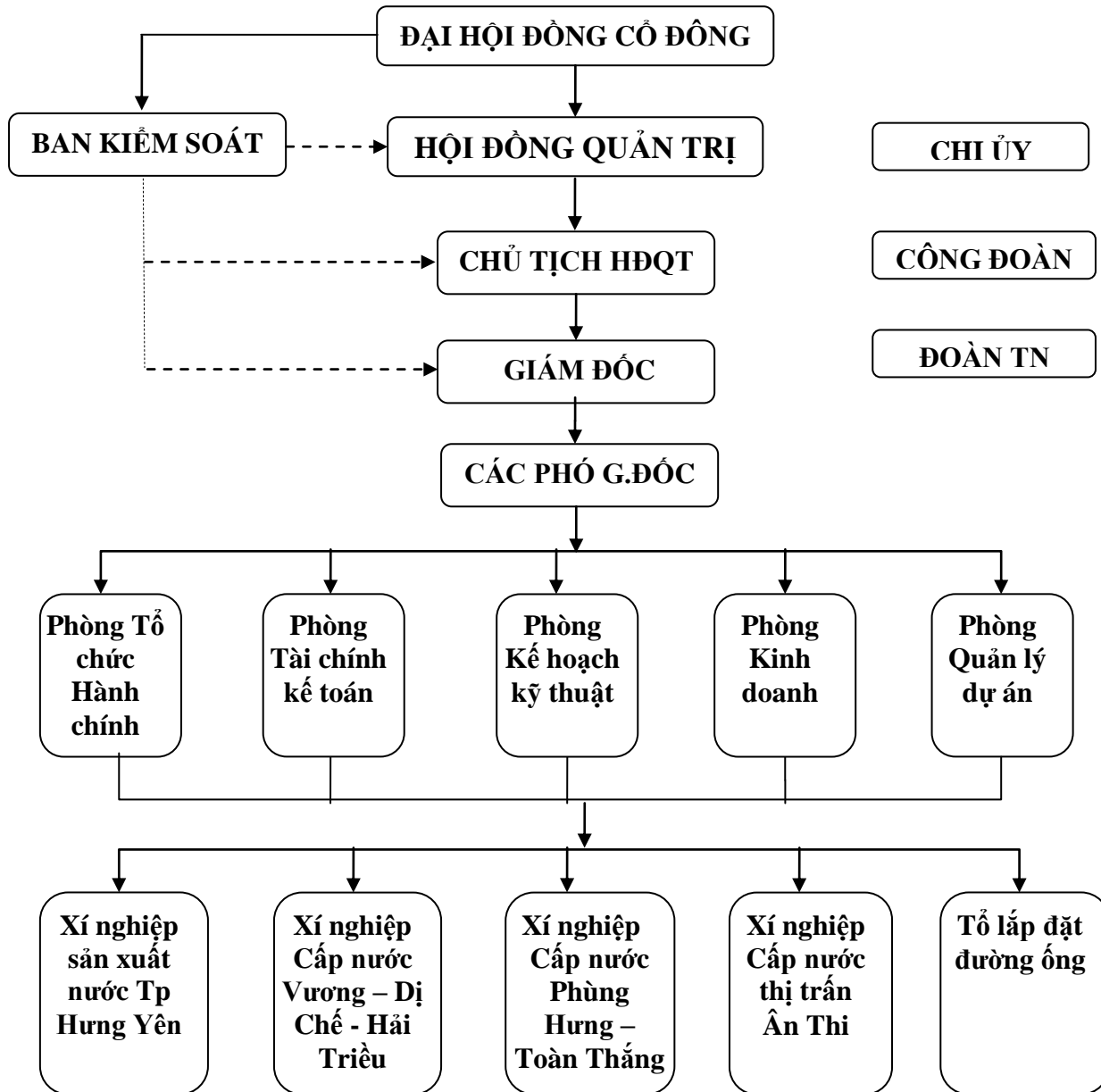
PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

STT	Tên ngành
1	Khai thác, sản xuất, kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác .
2	Xây dựng, lắp đặt thiết bị, công nghệ, mạng lưới đường ống, các công trình cấp, thoát nước.
3	Sản xuất nước tinh lọc, nước đá.
4	Tư vấn thiết kế các công trình cấp nước, thoát nước quy mô vừa và nhỏ
5	Tư vấn giám sát công tác thi công xây dựng công trình cấp, thoát nước;
6	Tư vấn quản lý các công trình cấp nước;
7	Bán buôn, bán lẻ nước tinh khiết, nước đá;
8	Bán buôn, bán lẻ vật tư thiết bị ngành cấp, thoát nước;
9	Các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên)

2.3. Cơ cấu tổ chức của Công ty sau khi cổ phần hóa

Sơ đồ số 2: Cơ cấu tổ chức của Công ty sau khi cổ phần hóa



4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

4.1. Quy mô vốn điều lệ:

- Giá trị thực tế của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 để cổ phần hóa: 171.898.424.216 đồng (trong đó: Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là 56.665.260.947 đồng)

- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng (tám mươi tỷ đồng)

- Số cổ phần phát hành: 8.000.000 cổ phần

- Mệnh giá của mỗi cổ phần: 10.000 VNĐ/cổ phần

- Giá bán khởi điểm: 10.000 VNĐ/cổ phần

4.3. Cơ cấu vốn điều lệ:

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- Căn cứ Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt tiêu chí, trình tự lựa chọn, phương thức bán làm cơ sở để lựa chọn và bán cổ phần lần đầu cho Nhà đầu tư chiến lược của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên.

Bảng số 7: Cơ cấu Vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa

TT	Đối tượng	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Vốn Nhà nước	2.800.000	28.000.000.000	35,00
2	Bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp, bao gồm:	348.500	3.485.000.000	4,36
2.1	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo số năm làm việc trong khu vực Nhà nước	121.100	1.211.000.000	1,52
2.2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động mua thêm theo số năm cam kết và lao động chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, bao gồm: (a) và (b)	227.400	2.274.000.000	2,84
a	Cổ phần ưu đãi theo số năm cam kết (200 cổ phần/năm) tối đa 2.000 cổ phần/người	134.000	1.340.000.000	1,67
b	Cổ phần ưu đãi lao động chuyên gia giỏi, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao (500 cổ phần/năm) tối đa 5.000 cổ phần/người	93.400	934.000.000	1,17
3	Cổ phần tổ chức Công đoàn	0	0	0
4	Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược	4.400.000	44.000.000.000	55
5	Cổ phần bán đấu giá công khai cho nhà đầu tư khác	451.500	4.515.000.000	5,64
Tổng Cộng		8.000.000	80.000.000.000	100

5. Phương thức chào bán cổ phần

5.1. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động

* Bán cổ phần cho Cán bộ công nhân viên theo thời gian thực tế làm việc trong Khu vực Nhà nước

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Căn cứ khoản 1, Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ – CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (*trường hợp đấu giá công khai trước*) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (*đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước*).

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (08/11/2016), tổng số lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty là: 101 lao động. Căn cứ hướng dẫn tại Thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ – CP ngày 18/07/2011 về chuyên doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và Sổ Bảo hiểm lao động của người lao động, Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên đã lập danh sách lao động công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua ưu đãi theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước cụ thể như sau:

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty : 101 lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần ưu đãi theo tiêu : 101 lao động chuẩn thâm niên làm việc tại khu vực nhà nước
- Tổng số CBCNV không được mua cổ phần ưu đãi: : 00 lao động

Trong đó:

- Tổng số năm công tác của toàn bộ : 1.211 năm CBCNV được mua cổ phần theo thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước
- Tổng số cổ phần mua theo thâm niên : 121.100 cổ phần tương đương giá trị làm việc trong khu vực nhà nước 1.211.000.000 đồng tính theo mệnh giá chiếm 1,52% vốn điều lệ CTCP
- Giá bán : 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược

*** Bán cổ phần ưu đãi cho người lao động theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần**

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ – CP của Chính phủ ngày 18 tháng 07 năm 2011 về việc chuyên doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần, quy định như sau:

Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần ưu đãi theo quy định sau:

Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động.

Công ty đã tổ chức Hội nghị công nhân viên chức để phổ biến tới người lao động chính sách ưu đãi cho người lao động và thông qua tiêu chí lao động chuyên gia giỏi, kết quả như sau:

* Tiêu chí lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao gồm:

- Lao động giữ các chức vụ từ trưởng, phó phòng, ban Công ty; Giám đốc, các phó Giám đốc các xí nghiệp trong Công ty trở lên;

- Trưởng các đoàn thể;

- Lao động có trình độ Đại học từ bậc 5 trở lên;

- Lao động có trình độ Cao đẳng, trung cấp từ bậc 8 trở lên;

- Công nhân có trình độ bậc thợ từ bậc 5 trở lên.

* Tình hình đăng ký mua thêm cổ phần theo thời gian cam kết làm việc tại CTCP của người lao động như sau:

- Số lao động chuyển sang làm việc tại : **97 người**
Công ty cổ phần

- Số lao động đăng ký mua cổ phần theo : **96 người**
thời gian cam kết làm việc tại CTCP

Trong đó: Lao động chuyên gia giỏi, có : **25 người**
trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao

- Tổng số cổ phần người lao động đăng : **227.400 cổ phần** – tương đương giá
ký mua thêm theo số năm cam kết trị 2.274.000.000 đồng tính theo
mệnh giá chiếm 2,84% vốn điều lệ
Công ty cổ phần

Trong đó: Số cổ phần đăng ký mua : **93.400 cổ phần** – tương đương giá
thêm của lao động chuyên gia giỏi trị 934.000.000 đồng tính theo mệnh
giá chiếm 1,17% vốn điều lệ Công ty
cổ phần

- Giá bán : 100% giá bán thành công thấp nhất

cho các nhà đầu tư chiến lược

Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định (mua theo thời gian thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước và mua theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần) là: 348.500 cổ phần, tương đương 3.485.000.000 đồng tính theo mệnh giá – chiếm 4,36% vốn điều lệ của Công ty cổ phần.

Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược.

5.2. Cổ phần bán cho Công đoàn

Theo quy định điểm c khoản 2 Điều 36 Nghị định số 59/NĐ-CP thì Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa (*theo quy định của Luật Công đoàn; không được huy động, vay vốn*) để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% vốn điều lệ. Tuy nhiên, kinh phí của Công đoàn Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên chỉ đủ chi hoạt động thường xuyên nên Công đoàn không tham gia mua cổ phần khi cổ phần hóa.

5.3. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

Căn cứ Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt tiêu chí, trình tự lựa chọn, phương thức bán làm cơ sở để lựa chọn và bán cổ phần lần đầu cho Nhà đầu tư chiến lược của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên. Nội dung như sau:

5.3.1. Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược:

a. Tổ chức đăng ký tham gia là nhà đầu tư chiến lược là công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, 100% nguồn vốn của nhà đầu tư trong nước (kể cả nguồn vốn tại Công ty mẹ, nếu là mô hình công ty mẹ, công ty con), có ngành nghề hoạt động trong ngành nước như khai thác, sản xuất nước sạch, tư vấn, xây lắp, kinh doanh vật tư thiết bị; có kinh nghiệm thực hiện quản lý sản xuất nước sạch, xây lắp, tư vấn, kinh doanh vật tư thiết bị ngành nước; doanh thu về lĩnh vực trong ngành nước chiếm trên 50% tổng doanh thu của Công ty.

b. Năng lực về tài chính:

- Tại niên độ tài chính năm 2015 (đã được kiểm toán hoặc quyết toán thuế): Vốn chủ sở hữu tối thiểu 80 tỷ đồng.

- Kết quả hoạt động kinh doanh (đã được kiểm toán hoặc quyết toán thuế) trong 03 năm gần nhất (2013, 2014 và 2015): có lãi, không có lỗ lũy kế đến thời điểm ngày 31/12/2015.

- Doanh thu bình quân của 03 năm gần nhất (2013, 2014, 2015): tối thiểu 120 tỷ đồng.

- Hệ số thanh toán ngắn hạn của 03 năm gần nhất (2013, 2014, 2015): Lớn hơn 1.

- Hệ số thanh toán nhanh của 03 năm gần nhất (2013, 2014, 2015): Khoảng từ 0,5 đến 1.

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của 03 năm gần nhất (2013, 2014, 2015): Nhỏ hơn 1,5

c. Về kinh nghiệm:

- Công ty đăng ký tham gia làm nhà đầu tư chiến lược là cổ đông chiến lược của ít nhất 02 Công ty cấp nước mà UBND tỉnh nắm giữ một phần vốn điều lệ.

- Công ty đăng ký tham gia làm nhà đầu tư chiến lược phải là hội viên Hội Cấp thoát nước Việt Nam trên 5 năm liên tục và gần nhất.

- Công ty đăng ký tham gia làm nhà đầu tư chiến lược hoạt động trong ngành nước tối thiểu 10 năm liên tục (tính đến năm 2016).

- Chủ tịch HĐQT hoặc Giám đốc của công ty đăng ký tham gia làm nhà đầu tư chiến lược phải là Chủ tịch HĐQT hoặc Giám đốc của ít nhất 01 Công ty cấp nước mà UBND tỉnh nắm giữ một phần vốn điều lệ.

d. Nội dung cam kết:

Có cam kết bằng văn bản của Hội đồng quản trị (đối với công ty cổ phần) hoặc Hội đồng thành viên (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) hoặc Chủ sở hữu (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) về việc:

- Không chuyển nhượng số cổ phần đã mua trong thời hạn tối thiểu 10 năm kể từ ngày Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn, phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận bằng văn bản. Không chuyển nhượng số cổ phần mà nhà đầu tư chiến lược đã mua cho các nhà đầu tư nước ngoài dưới bất cứ hình thức nào.

- Kế thừa Phương án sử dụng lao động đã được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt tối thiểu 05 năm, bảo đảm ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động;

- Nâng cao năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp, hoạch định chính sách và phát triển thị trường; cam kết gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa về: chuyển giao công nghệ mới hiện đại; đào tạo nguồn nhân lực; cam kết không thực hiện các giao dịch gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần.

5.3.2. Phương thức bán cho nhà đầu tư chiến lược:

a. Số lượng, tỷ lệ chào bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược.

- Số lượng nhà đầu tư chiến lược: Chọn 01 nhà đầu tư

- Số lượng cổ phần chào bán cho nhà đầu tư chiến lược: 4.400.000 cổ phần, tương đương tỷ lệ 55% vốn điều lệ Công ty cổ phần dự kiến.

- Nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc ngay 10% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm bán đấu giá được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt trong vòng

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

05 ngày làm việc kể từ ngày nhà đầu tư được phê duyệt lựa chọn làm nhà đầu tư chiến lược. Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư chiến lược không được nhận lại tiền đặt cọc.

b. Phương thức bán.

- Phương thức bán: Bán cho nhà đầu tư chiến lược trước khi thực hiện đấu giá công khai .

- Giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược là giá bán do Ban chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận (đối với trường hợp bán thỏa thuận) hoặc giá nhà đầu tư chiến lược đặt mua được xác định là trúng thầu của cuộc đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược) nhưng không thấp hơn giá khởi điểm được UBND tỉnh phê duyệt.

c. Trình tự lựa chọn nhà đầu tư chiến lược:

Trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư chiến lược được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

5.4. Cổ phần chào bán ra bên ngoài

Tổng số cổ phần thực hiện bán ra bên ngoài như sau:

- Tổng số cổ phần bán đấu: **451.500** cổ phần (*tương ứng với 4.515.000.000 đồng chiếm 5,64% Vốn điều lệ Công ty cổ phần*)

- Giá khởi điểm đề xuất : **10.000 đồng/cổ phần**

- Đơn vị tổ chức bán đấu: **Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia**
Số 30 Nguyễn Du, P. Bùi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng,
Hà Nội

- Thời gian bán đấu giá : Sau khi có Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá.

- Đối tượng tham gia đấu: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước theo quy định tại Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ.

6. Kế hoạch sử dụng tiền thu được việc bán cổ phần

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của Nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước, tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán ra được bán hết với giá bán là 10.000 đồng/cổ phần, chi tiết như sau:

Bảng số 17: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc bán cổ phần

Chỉ tiêu	Chú giải	Cổ phần	Giá bán	Giá trị (đồng)
Vốn Nhà nước thực tế tại Doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	(1)			56.665.260.947

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Vốn Nhà nước thực tế tại Doanh nghiệp sau khi đánh giá lại làm tròn	(2)			56.665.260.000
Vốn điều lệ Công ty cổ phần		8.000.000	10.000	80.000.000.000
Vốn Nhà nước tại công ty cổ phần	(3)	2.800.000	10.000	28.000.000.000
Giá trị cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá	(4)			23.334.740.000
Giá trị tính theo mệnh giá của cổ phần bán cho người lao động, bán đấu giá, bán cho NĐT chiến lược	(5)	5.200.000		52.000.000.000
Tiền thu được từ cổ phần hóa	(6)=(7)+(8)+ (9)+(10)			51.515.600.000
Bán cho CBCNV	(7) = (7.1)+(7.2)	348.500		3.000.600.000
- Mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước	(7.1)	121.100	6.000	726.600.000
- Mua theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần	(7.2)	227.400	10.000	2.274.000.000
Bán cho công đoàn	(8)	00	6.000	00
Bán cho đối tác chiến lược	(9)	4.400.000	10.000	44.000.000.000
Bán đấu giá lần đầu	(10)	451.500	10.000	4.515.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	(11)=(6)-(4)- {(2)-(3)}			00
Số tiền để lại công ty cổ phần	(12)=(4)			23.334.740.000
Giá trị chênh lệch giữa Vốn Nhà nước thực tế tại Doanh nghiệp sau khi đánh giá lại và Vốn Nhà nước thực tế tại Doanh nghiệp sau khi đánh giá lại làm tròn	(13)=(1)-(2)			947
Chi phí cổ phần hóa	(14)			500.000.000
Chi giải quyết chính sách lao động dôi dư	(15)			285.980.500
Số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của UBND tỉnh Hưng Yên	(16)=(6)+(13)- (12)-(14)-(15)			27.394.880.447

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI LAO ĐỘNG

1. Kế hoạch sắp xếp lại lao động

Trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, phát huy được năng lực của người lao động, Công ty dự kiến phương án sắp xếp lại lao động khi cổ phần hóa công ty như sau:

Bảng số 18: Phương án sắp xếp lao động sau cổ phần hóa

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị cổ phần hóa	101	

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	06	
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	95	
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	95	
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	00	
	- LĐ theo mùa vụ hoặc công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng	00	
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Công ty	00	
II	Số lao động nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	04	
1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	00	
2	Số lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ, chia ra:	00	
	- Hết hạn HĐLĐ	00	
	- Tự nguyện chấm dứt HĐLĐ	00	
	- Chấm dứt HĐLĐ với lý do khác theo quy định của Pháp luật	00	
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	03	
	- Số lao động dôi dư thực hiện theo Nghị định số 63/2014/NĐ-CP	02	
	- Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm	01	
4	Số lao động đã nghỉ việc sau khi công bố giá trị doanh nghiệp (*)	01	
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần	97	
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	05	
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	90	
3	Số lao động nghỉ chế độ BHXH, chia ra:	02	
	- Ốm đau	0	
	- Thai sản	02	

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
-	Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	0	
4	Số lao động đang nghỉ hưởng không lương	00	
5	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện HĐLĐ	00	

(Nguồn: Phương án sử dụng lao động của Công ty sau cổ phần hóa)

(* **Ghi chú:** Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (ngày 08/11/2016) tổng số lao động toàn Công ty là 101 người.

- Ngày 01/01/2017 Ông Vũ Thái Hoàng, trình độ chuyên môn: Đại học, có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty.

Bảng số 19: Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần

TT	Loại lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
I	Phân loại theo trình độ	97	100
1	Trên Đại học	00	00
2	Đại học	32	33,0
3	Cao đẳng	03	3,1
4	Trung cấp	09	9,3
5	Công nhân kỹ thuật, trình độ khác	53	54,6
II	Phân loại theo hợp đồng lao động	97	100
1	Không thuộc diện ký HĐLĐ	06	6,2
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	91	93,8
III	Phân loại theo giới tính	97	100
1	Nam	63	64,9
2	Nữ	34	35,1

(Nguồn: Phương án sử dụng lao động của Công ty sau cổ phần hóa)

PHẦN IV: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN HÓA

Bảng số 20: Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa

TT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Đề nghị phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần	
				Phương án sử dụng đất	Hình thức thuê/ giao đất
I	Nhà máy nước số II, thành phố Hưng Yên, công suất 5.000 m³/ngày				
1	Khu xử lý nước Nhà máy nước số 2, thành phố Hưng Yên, công suất 5.000 m ³ /ngày đêm tại số 3 đường Tô Hiệu, Phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	12.279,2	- Đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 109188 và số CC 109189; - Hợp đồng thuê đất số 275/HĐ-TĐ ngày 17/12/2015, thời gian thuê từ ngày 27/5/1998 đến ngày 27/5/2048 (Đất thuê 50 năm)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm trụ sở văn phòng Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên; Xây dựng trạm bơm, bể chứa, bể lắng lọc, nhà hóa chất, nhà kho, sân phơi bùn... Nhà máy nước số 2, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Thuê đất của Nhà nước (thời hạn 50 năm), trả tiền thuê đất hàng năm. Miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tại điều 1, Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ
2	Trạm bơm khai thác nước thô tại xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ	37,5	- Quyết định số 1393/1998/QĐ-UB ngày 31/7/1998 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc thu hồi đất để xây dựng trạm bơm khai thác nước tại các xã Thủ Sỹ - Tân Hưng-huyện Tiên Lữ; - Trích lục bản đồ địa chính: Số hiệu	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm trạm bơm khai thác nước thô H3 (giếng số 1)	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền thuê đất hàng năm

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

		thửa đất 03, Tờ bản đồ địa chính 28, tỷ lệ 1/1000, xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, lập ngày 21/9/2015 (Đất giao)		
	77,4	- Quyết định số 1393/1998/QĐ-UB ngày 31/7/1998 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc thu hồi đất để xây dựng trạm bơm khai thác nước tại các xã Thủ Sỹ - Tân Hưng- huyện Tiên Lữ; - Trích lục bản đồ địa chính: Số hiệu thửa đất 406, Tờ bản đồ địa chính 08, tỷ lệ 1/2000, xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, lập ngày 21/9/2015 (Đất giao)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm trạm bơm khai thác nước thô H8.2 (giếng số 2)	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm
	48,0	Biên bản thống nhất ngày 04/04/2014 (<i>đang làm thủ tục xin cấp quyết định giao đất của UBND tỉnh Hưng Yên</i>)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm trạm bơm khai thác nước thô 1A	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm
	16,5	Biên bản thống nhất ngày 25/9/2014 (<i>đang làm thủ tục xin cấp quyết định giao đất của UBND tỉnh Hưng Yên</i>)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm trạm bơm khai thác nước thô 2A	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

3	Trạm bơm khai thác nước thô tại xã Tân Hưng, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	37,50	<p>- Quyết định số 1393/1998/QĐ-UB ngày 31/7/1998 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc thu hồi đất để xây dựng trạm bơm khai thác nước tại các xã Thủ Sỹ - Tân Hưng- huyện Tiên Lữ;</p> <p>- Trích lục bản đồ địa chính: Số hiệu thửa đất 32, Tờ bản đồ địa chính 17, tỷ lệ 1/1000, xã Tân Hưng, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, lập ngày 21/9/2015 (Đất giao)</p>	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm trạm bơm khai thác nước thô H11B (giếng số 3)	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm
		77,40	<p>- Quyết định số 1393/1998/QĐ-UB ngày 31/7/1998 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc thu hồi đất để xây dựng trạm bơm khai thác nước tại các xã Thủ Sỹ - Tân Hưng- huyện Tiên Lữ;</p> <p>- Trích lục bản đồ địa chính: Số hiệu thửa đất 70, Tờ bản đồ địa chính 25, tỷ lệ 1/1000, xã Tân Hưng, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, lập ngày 21/9/2015 (Đất giao)</p>	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm trạm bơm khai thác nước thô H11(giếng số 4)	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm
4	Đường ống dẫn nước thô, cống thoát nước và đường điện cao	770	- Quyết định số 91/QĐ-UB ngày 21/1/1999 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc thu hồi đất để đặt ống	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng để đặt đường ống nước thô, cống thoát	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền thuê đất hàng năm

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

	thế 35Kv cấp cho Nhà máy nước số 2, TP Hưng Yên, công suất 5.000m ³ /ngđêm tại xã Liên Phương, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên		dẫn nước và đường điện cao thế vào khu xử lý nước Nhà máy nước 5.000m ³ /ng.đ tại xã Liên Phương, huyện Tiên Lữ; - Trích lục bản đồ địa chính: Số 06, tỷ lệ 1/2000, xã Liên Phương, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, lập ngày 19/12/1998 (Đất giao)	nước và đường điện cao thế 35Kv cấp cho Nhà máy nước 5.000m ³ /ngđêm	
II	Nhà máy cấp nước thị trấn Vương và các xã Dị Ché, Hải Triều, huyện Tiên Lữ				
1	Xây dựng Trạm bơm cấp nước thị trấn Vương và các xã Dị Ché, Hải Triều, huyện Tiên Lữ tại xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	1.008	- Đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 036499 (Đất giao)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm văn phòng Nhà máy, bể chứa, trạm bơm cấp nước,...	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền thuê đất hàng năm
III	Nhà máy cấp nước thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên				
1	Khu xử lý nước Nhà máy cấp nước thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên tại thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2.160,00	- Đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 453838(Đất giao)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm văn phòng Nhà máy, trạm bơm, khu xử lý nước, bể lọc, bể chứa, nhà kho, sân phơi bùn,...	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

2	Trạm bơm khai thác nước thô tại thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	60,00	- Đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 453841 (Đất giao)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm trạm bơm khai thác nước thô số 1	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm
3	Trạm bơm khai thác nước thô tại thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	60,00	- Đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 453839 (Đất giao)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm trạm bơm khai thác nước thô số 2	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm
IV	Nhà máy cấp nước thị tứ Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên				
1	Khu xử lý Nhà máy cấp nước thị tứ Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tại xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	15.958	- Đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 047594 (Đất giao)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm văn phòng Nhà máy, hồ sơ lắng, trạm bơm, bể lọc, bể chứa, nhà kho, nhà hóa chất,...	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm
2	Trạm bơm khai thác nước tại xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	60	- Đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 047593 (Đất giao)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm trạm bơm khai thác nước thô Sông Hồng	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm
V	Nhà máy cấp nước thị tứ Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên				

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1	Trạm bơm cấp nước thị tứ Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên tại xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	1.344	- Đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 047592 (Đất giao)	Đề nghị được giữ lại sử dụng làm văn phòng Nhà máy, nhà kho,... và dự kiến sau này sẽ xây dựng thêm bể chứa nước sạch, trạm bơm cấp nước, ...	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm
VI	Nhà máy nước 10.000 m³/ngày đêm thành phố Hưng Yên				
1	Khu xử lý nước trạm cấp nước 10.000 m ³ /ngày đêm tại xã Phương Chiểu, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	56.271	- Đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 561008 (Đất giao)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm văn phòng Nhà máy, hồ sơ lắng, bể lắng lọc, bể chứa nước sạch, sân phơi bùn, nhà hóa chất, nhà kho,...	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm
2	Trạm bơm khai thác nước thô tại xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	900	- Đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 561007 (Đất giao)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm trạm bơm khai thác nước thô Sông Hồng	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm
	TỔNG CỘNG	91.164,5			

(Nguồn: Phương án sử dụng đất đã được phê duyệt của Công ty)

**PHẦN V: PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 03
NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA**

1. Cơ hội và thách thức

*** Cơ hội**

Lãi suất ngân hàng có xu hướng giảm cũng như một số chính sách vĩ mô khác được Chính phủ xem là mục tiêu quan trọng hàng đầu trong việc kiểm soát và ổn định nền kinh tế là một điều kiện tốt cho hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

Chuyển sang mô hình Công ty cổ phần, sẽ giúp cho Công ty có được sự chủ động, tự chủ cao trong việc hoạch định cũng như thực hiện các chiến lược phát triển của mình, đồng thời tăng cường tính linh hoạt, khả năng phản ứng nhanh nhạy trong quản trị, điều hành nhằm thích ứng với sự biến động của tình hình kinh tế, xã hội.

*** Thách thức**

Cũng như các Doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sang Công ty cổ phần khác, Công ty đã được thành lập và hoạt động dưới mô hình do Nhà nước sở hữu 100% vốn nhà nước, mọi quyết định, kế hoạch kinh doanh đều phụ thuộc vào chủ sở hữu. Do đó, việc thích nghi và vận hành tốt theo mô hình mới sẽ là một thách thức không nhỏ đối với Công ty sau cổ phần hoá đặc biệt là sự xáo trộn, thay đổi lớn trong phương thức quản trị điều hành của Công ty. Tuy nhiên trong quá trình sản xuất kinh doanh của những năm vừa qua Công ty đã tự ý thức đổi mới, sắp xếp bộ máy cơ bản đáp ứng với tình hình của Công ty khi cổ phần hóa.

2. Mục tiêu phát triển sản xuất và đầu tư xây dựng cơ bản.

2.1. Mục tiêu phát triển sản xuất

- Xây dựng Công ty Cổ phần cấp nước Hưng Yên mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn nhân lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.

- Xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ tốt, sức cạnh tranh cao hơn.

- Xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.

- Xây dựng đơn vị thành một đơn vị đi đầu trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ công ích và dân sinh, từng bước đưa Công ty phát triển và tăng trưởng bền vững, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống.

2.2. Định hướng phát triển

- **Liên kết:** Các cổ đông, đối tác có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, năng lực quản trị, sản phẩm và thị trường; Đồng thời thúc đẩy mạnh liên kết các bộ phận trong doanh nghiệp tạo ra chuỗi giá trị, nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả hơn.

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- **Ngành nghề và sản phẩm:** Phát triển vững chắc - tập trung thực hiện tốt các gói hợp đồng cung cấp dịch vụ công ích được giao. Chuẩn bị các chiến lược sản phẩm và thị trường để phát triển sản xuất kinh doanh.

- **Về kỹ thuật, công nghệ:** Từng bước đổi mới công nghệ thi công, trang thiết bị tiên tiến nhằm nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ, tăng trưởng chất lượng, tạo ra giá trị gia tăng cao. Hợp tác với đối tác nước ngoài trong việc chuyển giao công nghệ và hỗ trợ kỹ thuật phục vụ quá trình vận hành trang thiết bị nhằm nâng cao năng suất, giá cả, chất lượng sản phẩm, dịch vụ tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh cao.

- **Đổi mới:** Đổi mới sâu sắc quản trị doanh nghiệp; Tạo dựng và phát triển thương hiệu, văn hóa doanh nghiệp. Công ty là đơn vị dẫn đầu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2.3. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hoá

Sau khi cổ phần hóa, mục tiêu quan trọng nhất Công ty là đổi mới và củng cố lại quản trị Công ty, sắp xếp lại nhân sự các phòng ban, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và giải quyết việc làm cho người lao động. Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hóa của Công ty cụ thể như sau:

Bảng số 21: Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Các chỉ tiêu kế hoạch			
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu					
1.1	Sản lượng nước sản xuất	1.000m ³	2.764	3.456	5.642	6.122
1.2	Sản lượng nước thương phẩm	1.000m ³	2.156	2.730	4.513	4.959
1.3	Tỷ lệ thất thoát bình quân	%	22	21	20	19
2	Đơn giá nước BQ dự kiến	VNĐ	8.019	9.222	10.605	12.196
3	Doanh thu	Tỷ đồng	24,044	33,305	56,605	70,082
3.1	Doanh thu nước sạch	Tỷ đồng	17,288	25,179	47,866	60,479
3.2	Doanh thu xây lắp	Tỷ đồng	6,3	8,0	8,5	9,3
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,122	2,765	1,404	3,979
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,97	2,212	1,123	3,183
-	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (10%)	Tỷ đồng	-	0,221	0,112	0,318
-	Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành (5%)	Tỷ đồng	-	0,111	0,056	0,159
-	Trích quỹ dự phòng tài chính	Tỷ đồng	-	0,111	0,056	0,159

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

	(5%)					
-	Lợi nhuận còn lại để trả cổ tức (bao gồm cả phần vốn của Nhà nước)	Tỷ đồng	-	1,769	0,899	2,547
6	Tỷ lệ cổ tức chi trả	%	-	2,21	1,12	3,18
7	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	7,368	7,862	8,996	9,843
8	Số lao động bình quân	Người	105	105	115	120
9	Thu nhập bình quân của người lao động	Trđ/ người/ tháng	5,8	6,2	6,5	6,8

(Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh nước sạch Hưng Yên)

* Ghi chú: Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty xây dựng trên cơ sở giá nước bình quân dự kiến phải được điều chỉnh năm sau tăng hơn năm trước 15%.

2.4. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản 03 năm sau cổ phần hoá

Bảng số 22: Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản 03 năm sau cổ phần

STT	Dự án	Giá trị đầu tư (Tỷ đồng)	Nguồn vốn		Thời gian thực hiện		
			Vốn Chủ sở hữu	Vốn vay	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019
					Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư
I	Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản phát triển cấp nước tại thành phố Hưng Yên.	312,97	99,482	213,488	175,887	64,891	72,192
1	Khoan 01 giếng khai thác nước ngầm để đảm bảo an toàn cấp nước cho NMN số 2 thành phố Hưng Yên (Hoàn thành Quý I/2017)	1,8	1,8		1,8		
2	Xây dựng hoàn thành Dự án Hệ thống cấp nước thành phố Hưng Yên, công suất 10.000 m³/ngđ (các cấp thống nhất hủy Hợp đồng với Nhà thầu Phần Lan, tiếp	141,773	46,863	94,910	141,773	0	0

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

STT	Dự án	Giá trị đầu tư (Tỷ đồng)	Nguồn vốn		Thời gian thực hiện		
			Vốn Chủ sở hữu	Vốn vay	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019
					Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư
	tục vay vốn ODA Phần Lan hoặc nguồn vốn khác). Trong đó:						
2.1	Phần vốn đã giải ngân của DA đến lần 3 (65,905 tỷ đồng)						
2.2	Tiếp tục thực hiện đợt I: Dự kiến phần vốn chi trả KLHT của Nhà thầu đã thực hiện (bao gồm thanh toán KLHT lần 4+5 và thanh toán vật tư ống gang nhập khẩu còn lại, thanh toán 5% giá trị bảo hành công trình đến lần 3 và đời trù tiền đã tạm ứng còn lại với Nhà thầu) và vốn đầu tư tiếp để hoàn thiện một số công trình đầu nguồn của Dự án với mục đích trước mắt cấp nước thô về khu xử lý NMN số 2 thành phố Hưng Yên để thay thế nguồn nước ngầm hiện tại đồng thời nâng công suất NMN số 2 lên đạt khoảng 8.000m ³ /ngđ (Dự kiến hoàn thành tháng 6/2017)	31,149	9,345	21,804	31,149		
2.3	Đợt II: Tiếp tục thi công hoàn thiện các hạng mục công trình còn lại của Dự án Hệ thống cấp nước thành phố Hưng Yên công suất 10.000 m ³ /ngđ	110,624	37,518	73,106	110,624		

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

STT	Dự án	Giá trị đầu tư (Tỷ đồng)	Nguồn vốn		Thời gian thực hiện		
			Vốn Chủ sở hữu	Vốn vay	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019
					Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư
	<i>(Dự kiến hoàn thành tháng 12/2017)</i>						
3	Lắp đặt phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước và hệ tiêu thụ cho thành phố Hưng Yên. <i>(Đầu tư năm 2017: Hoàn thành vào T12/2017; Đầu tư năm 2018: Hoàn thành T6/2018; Đầu tư năm 2019: Hoàn thành T6/2019)</i>	169,397	50,819	118,578	32,314	64,891	72,192
3.1	Phường Lê Lợi	0,408	0,122	0,286	0,408		
3.2	Phường Quang Trung	0,332	0,100	0,232	0,332		
3.3	Phường Minh Khai	3,689	1,107	2,582	3,689		
3.4	Phường Hiến Nam	4,489	1,347	3,142	4,489		
3.5	Phường An Tảo	6,857	2,057	4,799	6,857		
3.6	Phường Lam Sơn	10,555	3,166	7,388	10,555		
3.7	Phường Hồng Châu	5,984	1,795	4,189	5,984		
3.8	Xã Liên Phương	14,412	4,324	10,088		14,412	
3.9	Xã Trung Nghĩa	16,965	5,089	11,876		16,965	
3.10	Xã Hồng Nam	14,145	4,243	9,902			14,145
3.11	Xã Quảng Châu	19,044	5,713	13,331		19,044	
3.12	Xã Bảo Khê	10,754	3,226	7,528			10,754
3.13	Xã Tân Hưng	14,372	4,312	10,060			14,372
3.14	Xã Phương Chiểu	14,47	4,341	10,129		14,47	
3.15	Xã Hoàng Hanh	9,362	2,809	6,553			9,362
3.16	Xã Hùng Cường	11,573	3,472	8,101			11,573
3.17	Xã Phú Cường	11,987	3,596	8,391			11,987
II	Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản phát triển cấp nước tại xã Phùng Hưng, xã Toàn Thắng và các vùng lân cận. <i>(Đầu tư năm 2017: Hoàn thành vào</i>	42,724	12,817	29,907	20,071	18,167	4,486

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

STT	Dự án	Giá trị đầu tư (Tỷ đồng)	Nguồn vốn		Thời gian thực hiện		
			Vốn Chủ sở hữu	Vốn vay	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019
					Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư
	<i>T9/2017; Đầu tư năm 2018: Hoàn thành T6/2018; Đầu tư năm 2019: Hoàn thành T6/2019)</i>						
1	Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu (tỉ lệ bao phủ 90%)	3,037	0,911	2,126	3,037		
2	Xã Chí Tân, huyện Khoái Châu (tỉ lệ bao phủ 70%)	7,819	2,346	5,473	3,909	3,909	
3	Xã Liên Khê, huyện Khoái Châu (tỉ lệ bao phủ 70%)	8,972	2,691	6,280		4,486	4,486
4	Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động (tỉ lệ bao phủ 90%)	3,353	1,006	2,347	3,353		
5	Xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động + tuyến truyền tải D160 vào NMN Ân Thi (tỉ lệ bao phủ 70%)	11,602	3,481	8,122	5,801	5,801	
6	Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động (tỉ lệ bao phủ 70%)	7,942	2,382	5,559	3,971	3,971	
III	Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản phát triển cấp nước tại thị trấn Vương, xã Hải Triều, xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ. (Hoàn thành vào T12/2017)	5,541	1,662	3,879	5,541	0,000	0,000
1	Thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ	0,380	0,114	0,266	0,380		
2	Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ	4,096	1,229	2,867	4,096		
3	Xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ	1,065	0,319	0,746	1,065		
IV	Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản phát triển cấp nước tại thị trấn Ân Thi,	1,634	0,490	1,144	1,634	0	0

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

STT	Dự án	Giá trị đầu tư (Tỷ đồng)	Nguồn vốn		Thời gian thực hiện		
			Vốn Chủ sở hữu	Vốn vay	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019
					Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư
	huyện Ân Thi. (Hoàn thành vào T9/2017)						
1	Thị trấn Ân Thi	1,634	0,490	1,144	1,634		
V	Kế hoạch đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của Công ty.	10,000	3,000	7,000		0	10,000
Tổng mức đầu tư giai đoạn từ 2017-2019		372,869	117,451	255,418	203,133	83,058	86,678

* Ghi chú: Doanh nghiệp Cổ phần hóa có trách nhiệm tiếp tục kế thừa tài sản là chi phí xây dựng cơ bản dở dang trên sổ sách kế toán và giá trị khối lượng Nhà thầu đã thực hiện chưa có hồ sơ giá trị thanh toán; Các khoản nợ đầu tư xây dựng công trình Hệ thống cấp nước TP Hưng Yên công suất 10.000m³/ ngày đêm, nguồn vốn tín dụng ưu đãi ODA Phần Lan; ... Đồng thời Công ty Cổ phần sẽ tiếp tục kế thừa vai trò của Chủ đầu tư trong việc giải quyết tranh chấp, đàm phán với Nhà thầu Tập đoàn Bafo Phần Lan, ... hoặc có các phương án khác để tiếp tục tổ chức triển khai xây dựng hoàn thành Dự án, kịp thời cấp nước cho nhân dân thành phố Hưng Yên và các vùng phụ cận.

3. Chiến lược đầu tư phát triển đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

Căn cứ Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định 1929); Quyết định số 2111/QĐ-TTg ngày 28/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên đến năm 2020.

Nhằm đảm bảo nhu cầu dùng nước cho thành phố Hưng Yên, các huyện và các Khu công nghiệp trong tỉnh theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đến năm 2020 với sự phát triển mạnh của dân cư đô thị và các Khu công nghiệp, Khu kinh tế trong địa bàn toàn tỉnh, Công ty tiếp tục tập trung khai thác sản xuất và cung cấp nước sạch, đầu tư xây dựng các công trình cấp nước đáp ứng nhu cầu của thị trường về sản phẩm nước sạch, phát triển và tiến tới đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh, đa dạng hoá các hình thức đầu tư để đáp ứng nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Công ty tập trung chủ yếu vào một số nhiệm vụ sau:

- Đầu tư các dự án trọng điểm để bổ sung nguồn nước, cải tạo và mở rộng hệ thống ống dẫn, ống phân phối nước đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Xây dựng lộ trình thực hiện các dự án cấp nước

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

phù hợp với tiến độ các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đô thị du lịch và các khu công nghiệp của tỉnh.

- Thực hiện kế hoạch chống thất thoát theo vùng, tuyến ống, phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát đến năm 2025 xuống dưới 15%. Ưu tiên các dự án hiện đại hóa việc quản lý mạng lưới đường ống cấp nước, chống thất thoát thất thu nước sạch nhằm nâng cao năng lực vận hành hệ thống cấp nước và giảm tỷ lệ thất thoát nước.

- Thực hiện xã hội hoá trong đầu tư, trong hoạt động cấp nước, thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước để đầu tư mới nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước; nâng độ phủ cấp nước đô thị đạt tỷ lệ 100%.

- Nâng cao năng lực, công suất cấp nước, chú trọng đến công tác quản lý chất lượng nước. Cung cấp sản phẩm nước sạch đạt chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5502:2003 về nước cấp sinh hoạt. Nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước bảo đảm cấp nước an toàn. Duy trì thực hiện hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

- Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ - tin học để nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành, đổi mới phương thức phục vụ - đưa đến khách hàng các dịch vụ - phục vụ tốt nhất, thực hiện chiến lược "Hướng tới khách hàng" để tồn tại và phát triển bền vững.

- Xây dựng và hoàn thiện các quy chế nội bộ; thực hiện công tác quy hoạch cán bộ đến 2020. Tổ chức đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ công nhân viên; có chính sách thu hút các kỹ sư chuyên ngành, cán bộ nghiệp vụ quản lý kinh tế có trình độ cao về làm việc tại Công ty

4. Giải pháp thực hiện sau cổ phần hóa.

4.1. Về tài chính

- Nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển của Công ty cổ phần cấp nước Hưng Yên trong giai đoạn 2017-2019 cần khoảng 372 tỷ đồng. Để giải quyết vốn cho đầu tư phát triển, Công ty huy động vốn từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước thông qua các hình thức vay vốn và vốn tự có.

- Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như đầu tư từng giai đoạn theo nhu cầu thị trường, phát huy tối đa công suất của các công trình đã đầu tư.

4.2. Đầu tư nguồn vốn:

Để thực hiện kế hoạch ổn định và phát triển của Công ty cổ phần trong giai đoạn sau cổ phần hóa, Công ty sẽ đầu tư cho một số phần việc cụ thể sau:

- Thứ nhất Công ty tiếp tục duy trì năng lực hiện có của Công ty để đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn sau quá trình cổ phần hóa. Đồng thời tiến hành lộ trình tái cơ cấu nguồn vốn dần dần trong khoảng từ 3 – 5 năm, sắp xếp việc trả nợ đảm bảo khả năng thanh toán và khả năng tự chủ về tài chính là tối ưu nhất. Trên cơ sở xây dựng các phương án sản xuất kinh doanh, quản lý dòng tiền

cũng như chiến lược phù hợp để có thể nâng cao uy tín cũng như thương hiệu của Công ty sau cổ phần hóa;

- Sau khi Cổ phần hoá phải hướng tới sự thu hút và tập trung các nguồn vốn xã hội. Để huy động nguồn vốn cần phát hành thêm cổ phiếu, mở rộng bán cổ phần cho các chủ sở hữu trong và ngoài Công ty, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài. Trước hết, cần ưu tiên bán cổ phần cho người lao động trong doanh nghiệp để gắn kết quyền lợi và trách nhiệm của người lao động với Công ty, đồng thời cho phép khai thác được nguồn vốn nội bộ một cách hiệu quả.

- Tăng cường, mở rộng mối quan hệ với các tổ chức tín dụng đảm bảo khả năng thu xếp vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua tuy đã đạt được nhiều thành công nhưng cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức, mức độ cạnh tranh trên thị trường ngày càng tăng tạo nguy cơ cho sự phát triển ổn định của Công ty. Để đạt được các mục tiêu trong kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đặt ra trong giai đoạn 2017 - 2019 và những năm tiếp theo đòi hỏi toàn thể cán bộ, đảng viên, công nhân viên trong Công ty phải tiếp tục phấn đấu nhiều hơn nữa để đạt được kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, Công ty cần có sự giúp đỡ từ phía Nhà nước và chính quyền địa phương để có thể ổn định duy trì và phát triển hoạt động của Công ty, ít bị ảnh hưởng sau cổ phần hóa.

4.3. Giải pháp về thị trường.

Trong giai đoạn sắp tới, Công ty tập trung triển khai các nhóm biện pháp và hoạt động cụ thể như sau:

- Xây dựng chiến lược phát triển thị trường phù hợp với năng lực của Công ty trên từng lĩnh vực hoạt động cụ thể, trong đó tập trung chủ yếu vào lĩnh vực chính là: sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác của nhân dân và các cơ quan trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung tiết giảm chi phí trên mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện nghiêm túc các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm tối đa các chi phí quản lý; tập trung cải cách các thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo thông tin điều hành được xử lý kịp thời, nhanh chóng, hiệu quả. Quán triệt vai trò trách nhiệm của cán bộ, nhân viên, tăng cường quản lý giờ lao động, bố trí nhân lực phù hợp, đúng người, đúng việc tạo điều kiện để lao động phát huy tối đa khả năng.

- Tranh thủ sự hỗ trợ của các ban ngành, địa phương trong thực hiện chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ kinh tế - chính trị của công ty. Nắm bắt kịp thời những thông tin về chiến lược, định hướng, tiến trình đầu tư, cung cấp các dịch vụ công cộng để giành lợi thế trong việc cạnh tranh, tham gia đầu tư hay nhận thầu xây lắp các dự án. Chú trọng tăng cường công tác đối ngoại để tranh thủ sự ủng hộ của các cấp lãnh đạo và ban ngành địa phương, không ngừng củng cố mở rộng quan hệ với các tổ chức quốc tế trong hoạt động bảo vệ môi trường và cung cấp dịch vụ công. Chủ động tìm kiếm đối tác kinh doanh và mở rộng địa bàn hoạt động, kể cả

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

lĩnh vực công ích và các hoạt động kinh doanh khác. Khai thác và mở rộng thị trường hoạt động, đồng thời phát triển thêm ngành nghề kinh doanh trong thời gian tới. Chủ động áp dụng và thực hiện cơ chế đặt hàng theo đơn giá mới với chính quyền địa phương trong hoạt động công ích.

- Quan tâm nghiên cứu mở rộng thị trường; Đảm bảo sản phẩm sản xuất ra phải đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

- Trên cơ sở duy trì và giữ vững được thị trường hiện tại của mình và mở rộng thị trường tiêu thụ nước sạch trên địa bàn toàn tỉnh, quan tâm cấp nước đến những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

- Trong việc nghiên cứu thị trường, Công ty cần phải tổ chức thực hiện công tác điều tra khảo sát và thu thập các thông tin về nhu cầu nước sạch vào cả mùa hè và mùa đông. Sau khi tiến hành phân tích và xử lý các thông tin đã thu thập được rồi xác định lượng cầu của thị trường căn cứ vào kết quả của công tác phân tích và xử lý ở trên. Công ty dựa vào kết quả này để ra quyết định hợp lý trong việc sản xuất và cung ứng nước sạch.

- Công ty cần xác lập các mối quan hệ với khách hàng nhằm tăng uy tín của Công ty trên thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng thị trường.

4.4. Giải pháp về công nghệ, kỹ thuật:

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý khoa học công nghệ, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách có năng lực để phụ trách việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý và sản xuất của Công ty.

- Nghiên cứu, tiếp cận, chuyển giao và sử dụng thành thực các loại công nghệ tiên tiến trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Hiện đại hóa mạng lưới cấp nước, lập phương án đầu tư xây dựng hệ thống công nghệ thông tin phục vụ theo dõi, quản lý hệ thống cấp nước, chất lượng nước và khách hàng trên nền tảng của công nghệ SCADA và GIS theo từng giải đoạn phù hợp với sự phát triển của Công ty.

- Đầu tư trang thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực cho công tác chống thất thoát nước sạch nhằm giảm thất thoát toàn bộ hệ thống cấp nước, đặc biệt xác định đúng nhu cầu về áp lực, lưu lượng từng tuyến ống để điều phối hợp lý.

- Đầu tư các dự án trọng điểm để bổ sung nguồn nước, cải tạo và mở rộng hệ thống ống dẫn, ống phân phối nước đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất kinh doanh. Xây dựng lộ trình thực hiện các dự án cấp nước phù hợp với tiến độ các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đô thị du lịch và các khu công nghiệp của tỉnh.

4.5. Giải pháp về nâng cao năng lực quản lý

- Sau khi cổ phần hóa cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ về mọi mặt để đảm bảo rằng mọi kế hoạch đã được đưa ra và thông qua phải được thực hiện một cách nghiêm túc, có chất lượng. Điều này sẽ tạo ra tính kỷ luật trong quản lý, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của người quản lý.

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- Để đạt được mục tiêu vừa đảm bảo cấp nước, vừa phải đạt được kết quả kinh doanh theo cơ chế thị trường, trước hết Công ty phải sắp xếp bộ máy tổ chức theo mục tiêu kinh doanh mà quan trọng nhất là nâng cao năng lực cấp nước, chống thất thu thất thoát, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và công tác ghi thu.

- Mọi hoạt động của các phòng ban, bộ phận của Công ty, phải phục vụ công tác sản xuất kinh doanh, quản lý khách hàng, công tác ghi và thu có hiệu quả. Điều này phải được quán triệt đến tất cả cán bộ công nhân viên trong Công ty. Nhân viên quản lý khách hàng, ghi thu là những người bán hàng trực tiếp cần được tuyển chọn và đào tạo thật tốt để có đủ trình độ và phẩm chất làm việc cho Công ty.

- Tiến hành lắp đặt ngay đồng hồ đo lưu lượng nước phát vào mạng đối với những tuyến chưa được lắp đặt của từng xí nghiệp, các xí nghiệp phải có trách nhiệm phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát thất thu trên địa bàn của mình.

- Tổ chức tổng kiểm tra cơ bản tất cả các đối tượng dùng nước, phối hợp với các cấp chính quyền địa phương, công an để làm công tác điều tra khách hàng xử lý các vụ vi phạm trong việc dùng nước, cắt bỏ hộ vi phạm sử dụng nước hoặc đấu nối trái phép và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

- Cải thiện mức độ dịch vụ đến với khách hàng. Công ty phải chịu trách nhiệm đến cùng với sản phẩm của mình, trực tiếp giải quyết các tồn tại, vướng mắc đáp ứng kịp thời các đòi hỏi của khách hàng. Đảm bảo sự công bằng giữa người mua và người bán, khách hàng dùng bao nhiêu trả bấy nhiêu.

- Xây dựng chế độ trả lương có sức thu hút cho CBCNV và có quy chế phạt nghiêm khắc đối với những người vi phạm quy định của Công ty

- Xây dựng mạng lưới thông tin với khách hàng thật tốt nhằm phát hiện các hộ khách hàng sót, trái phép và phát hiện rò rỉ, tiếp nhận các thông tin về cấp nước để kịp thời sửa chữa và thi công đấu mới, làm cơ sở cho khả năng tăng số lượng khách hàng dùng nước.

- Tăng cường công tác kiểm soát, chống thất thoát trên các tuyến, các vùng, kiểm soát các chỉ tiêu sản xuất của các xí nghiệp và các nhà máy tránh tình trạng báo cáo không trung thực làm tăng tỷ lệ thất thoát, thất thu.

4.6. Giải pháp về nhân sự và bộ máy Công ty cổ phần

- Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ, công tác lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển Công ty. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đầu ngành, đảm bảo đủ nhân lực chất lượng cao có khả năng về chuyên môn và ngoại ngữ để có thể đáp ứng được yêu cầu trong lĩnh vực. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống đánh giá nhân sự, thường xuyên tổ chức đánh giá lại đội ngũ cán bộ quản lý theo từng thời kỳ. Sau chính thức chuyển sang mô hình Công ty cổ phần, ban lãnh đạo sẽ tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức từ bộ phận quản lý đến các bộ phận trực tiếp theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với ngành nghề đào tạo, năng lực sở trường. Những cán bộ không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ thì Công ty sẽ đào tạo lại hoặc bố trí việc làm khác cho phù hợp. Công ty ưu tiên nhận những

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

người đã qua đào tạo cơ bản, tốt nghiệp đại học loại khá, giỏi theo nhu cầu tuyển dụng trong từng thời điểm.

- Hoàn thiện cơ chế chính sách động viên, khuyến khích có hiệu quả đối với người lao động; Xây dựng cơ chế đánh giá, bổ nhiệm, đãi ngộ khoa học, công khai, minh bạch tạo môi trường làm việc văn minh, thoải mái nhằm phát huy tối đa năng lực của từng cán bộ, nhân viên đồng thời duy trì phát triển được nguồn nhân lực hiện có và thu hút được nguồn nhân lực từ bên ngoài. Hàng năm, tiến hành bố trí, sắp xếp lao động một cách hợp lý theo đúng quy định và phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh. Trong đó, những lao động có tinh thần trách nhiệm cao, gắn bó với doanh nghiệp, lao động đã mua cổ phần tại Công ty đồng thời là cổ đông của Công ty sẽ được ưu tiên hơn khi Công ty thực hiện các chính sách lao động.

- Không ngừng nâng cao thu nhập đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Đảm bảo có chính sách tiền lương phù hợp, đáp ứng được những nhu cầu chính đáng của người lao động để duy trì đội ngũ lao động có trình độ năng lực và tâm huyết; thực hiện việc phân phối tiền lương công bằng theo hiệu quả công việc, sự cống hiến của người lao động và phù hợp với điều kiện thị trường....

- Lao động đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh Chính vì vậy nâng cao trình độ đội ngũ lao động, đào tạo cán bộ quản lý là một việc rất cần thiết để tạo hiệu quả hoạt động của công ty:

- Công ty phải thường xuyên tạo điều kiện cho người lao động nâng cao trình độ, đóng góp ý kiến, kích thích tinh thần nhằm làm cho người lao động được nâng cao năng suất lao động.

- Đối với đội ngũ cán bộ quản lý, cần phải trang bị hay trang bị lại những kiến thức kinh doanh hiện đại; Công ty sẽ tạo điều kiện cho các cán bộ này tham gia vào các khoá đào tạo bồi dưỡng kiến thức mới, tổ chức tham quan học tập tại các đơn vị bạn để học hỏi kinh nghiệm từ đó làm chủ được các yếu tố bên ngoài của thị trường, hạn chế lãng phí tổn thất do không hiểu biết gây ra.

- Kết hợp đào tạo và tuyển dụng lao động để hình thành một cơ cấu lao động tối ưu, bố trí lao động hợp lý phù hợp với năng lực sở trường nguyện vọng của mỗi người, xác định rõ chức năng, quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ. Giảm bớt lượng lao động dư thừa không có năng lực, năng suất hiệu quả thấp.

- Công ty sẽ tiến hành bố trí sắp xếp lại CBCNV trong các phòng ban trên cơ sở xác định mức độ phức tạp của công việc, cải tiến mối quan hệ giữa các phòng ban để đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng các công việc của Công ty để ra quyết định nhanh chóng và chính xác.

- Để tạo động lực cho tập thể và cá nhân, người lao động, Công ty có biện pháp khuyến khích người lao động như: Phân phối lợi nhuận thỏa đáng, bảo đảm công bằng, hợp lý thưởng, phạt công minh. Đặc biệt là có chế độ đãi ngộ đối với những người giỏi, trình độ tay nghề cao, có trách nhiệm trong công việc hay những người có những ý kiến đóng góp cho Công ty trong sản xuất kinh doanh đem lại hiệu quả cao.

PHẦN VI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Các bước tiến hành sau khi phương án được duyệt

Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh nước sạch Hưng Yên được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt, Công ty sẽ tổ chức thực hiện đề án theo kế hoạch tiến độ cụ thể như sau:

1. Thông báo bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược và tổ chức bán cổ phần cho các Nhà đầu tư chiến lược.
2. Căn cứ giá bán thành công thấp nhất cho Nhà đầu tư chiến lược, tổ chức bán cổ phần cho Cán bộ công nhân viên Công ty
3. Tổ chức bán đấu giá cổ phần cho các nhà đầu tư bên ngoài theo phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt và tổ chức thu tiền của các Nhà đầu tư trúng đấu giá.
4. Xử lý số cổ phần không bán hết (nếu có).
5. Báo cáo kết quả bán cổ phần ra bên ngoài cho Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên sau khi hoàn thành việc bán cổ phần.
6. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập sau khi hoàn thành việc bán đấu giá cổ phần.
7. Đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên sau khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần.
8. Tiến hành các thủ tục quyết toán, bàn giao vốn và tài sản cho Công ty cổ phần.

2. Đề xuất, kiến nghị.

- Đề nghị các ngành chức năng rà soát, tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực: Quản lý tài nguyên nước, bao gồm cả nước ngầm và nước mặt, quản lý dịch vụ cung cấp nước sạch. Có chính sách phù hợp trong việc đền bù, giải tỏa khi giải phóng mặt bằng với các công trình cấp nước. Có chính sách ưu đãi tạo vốn (nguồn vốn, lãi xuất) để tạo điều kiện cho các nhà đầu tư quan tâm đầu tư đến lĩnh vực cung cấp nước sạch.

- Đề nghị UBND tỉnh ban hành lộ trình biểu giá nước sạch đến năm 2020 và được tính đúng, tính đủ, các khoản chi phí trong giá thành để sản xuất và kinh doanh nước sạch, đem lại hiệu quả cho SXKD từ đó tăng chất lượng dịch vụ cấp nước sạch, đảm bảo lợi ích của Nhà nước, Công ty, cũng như cho các cổ đông.

- Chính quyền cơ sở quan tâm và hỗ trợ các doanh nghiệp cấp nước trong việc quản lý mạng cấp nước trên địa bàn.

- Hiện nay, Công ty Điện lực Hưng Yên, Điện lực Phù Tiên đã đấu nối 03 trạm biến áp vào nhánh đường dây 35Kv của Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên hiện đang cấp điện cho Nhà máy nước thị trấn Vương – Dị Chế

- Hải Triều (trong đó có 02 trạm biến áp cấp điện cho nhân dân trong xã Hải Triều; 01 trạm biến áp cấp điện cho Nhà máy nước An Bình của Công ty TNHH cấp nước

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Hải Hưng). Việc bàn giao và hoàn trả vốn đầu tư xây dựng tuyến đường dây 35Kv nêu trên giữa Công ty điện lực Hưng Yên và Công ty cổ phần sẽ thực hiện theo quy định hiện hành (theo Văn bản số 3143/UBND-TH ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên); Công ty TNHH cấp nước Hải Hưng, Công ty điện lực Hưng Yên có trách nhiệm phối hợp với Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh nước sạch Hưng Yên trong việc khai thác, quản lý vận hành và bảo trì tuyến đường dây 35Kv (Theo Văn bản số 43/UBND-KT2 ngày 09/01/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên)

PHẦN VII: KẾT LUẬN

Việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh nước sạch Hưng Yên là thật sự cần thiết nhằm chuyển đổi hình thức hoạt động của Công ty cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

Kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước tỉnh, Ban chỉ đạo cổ phần hóa tại doanh nghiệp xem xét, quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hóa và cho phép Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh nước sạch Hưng Yên tiến hành các thủ tục chuyển đổi trong thời gian sớm nhất./.

Hưng Yên, ngày 20 tháng 01 năm 2017

**CÔNG TY TNHH MTV
KINH DOANH NƯỚC SẠCH HƯNG YÊN
CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hoa